

**Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký**  
**Phần 2**

**佛說阿彌陀經要解講記**

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

Pháp sư Tịnh Không giảng thuật

淨空法師講述

Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chép

劉承符居士記

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội năm 2006)

Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ và Đức Phong

**3.3. Minh Tông (nêu rõ Tông)**

*(Giải) Đệ tam, minh Tông. Tông thị tu hành yếu kính, hội Thễ xu cơ, nhi vạn hạnh chi cương lĩnh dã. Đề cương, tắc chúng mục trương; khiết lãnh, tắc khâm tự chí. Cố Thễ hậu, ưng tu biện Tông. Thử kinh dĩ “tín nguyện trì danh” vi tu hành chi tông yếu. Phi Tín, bất túc khai Nguyện. Phi Nguyện, bất túc đạo Hạnh. Phi trì danh diệu hạnh, bất túc mãn sở nguyện, nhi chứng sở tín. Kinh trung, tiên trần y chánh dĩ sanh Tín. Thử khuyến phát nguyện dĩ đạo Hạnh. Thử thị trì danh dĩ kính đặng Bất Thoái. Tín tắc tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý. Nguyện tắc yếm ly Sa Bà, hân cầu Cực Lạc. Hạnh tắc chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.*

*Tín Tự giả, tín ngã hiện tiền nhất niệm chi tâm, bốn phi nhục đoàn, diệc phi duyên ảnh. Thụ vô sơ hậu, hoành tuyệt biên nhai. Chung nhật tùy duyên, chung nhật bất biến. Thập phương hư không vi trần quốc độ, nguyện ngã nhất niệm tâm trung sở hiện vật. Ngã tuy hôn mê, đảo hoặc, cầu nhất niệm hồi tâm, quyết định đắc sanh tự tâm bốn cụ Cực Lạc, cánh vô nghi lự. Thị danh Tín Tự.*

*Tín Tha giả, tín Thích Ca Như Lai quyết vô cuồng ngữ, Di Đà Thế Tôn quyết vô hư nguyện, lục phương chư Phật quảng trường thiết, quyết vô nhị ngôn. Tùy thuận chư Phật chân thật giáo hối, quyết chí cầu sanh, cánh vô nghi hoặc. Thị danh Tín Tha.*

*Tín Nhân giả, thâm tín tán loạn xưng danh, do vi thành Phật chủng tử, hưởng nhất tâm bất loạn, an đắc bất sanh Tịnh Độ? Thị danh Tín Nhân.*

*Tín Quả giả, thâm tín Tịnh Độ, chư thiện tụ hội, giai từng Niệm Phật tam-muội đắc sanh, như chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu. Diệc như ảnh tất tùy hình, hưởng tất ứng thanh, quyết vô hư khí. Thị danh Tín Quả.*

*Tín Sự giả, thâm tín chỉ kim hiện tiền nhất niệm bất khả tận cố. Y tâm sở hiện thập phương thế giới, diệc bất khả tận. Thật hữu Cực Lạc quốc tại thập vạn ức độ ngoại, tối cực thanh tịnh trang nghiêm, bất đồng Trang Sinh ngũ ngôn. Thị danh Tín Sự.*

*Tín Lý giả, thâm tín thập vạn ức độ, thật bất xuất ngã kim hiện tiền giới nhĩ nhất niệm tâm ngoại. Dĩ ngô hiện tiền nhất niệm tâm tánh thật vô ngoại cố. Hựu thâm tín Tây Phương y, chánh, chủ, bạn, giai ngô hiện tiền nhất niệm tâm trung sở hiện ảnh. Toàn Sự tức Lý, toàn vọng tức chân, toàn Tu tức Tánh, toàn Tha tức Tự. Ngã tâm biến cố, Phật tâm diệc biến. Nhất thiết chúng sanh tâm tánh diệc biến. Thí như nhất tất thiên đặng, quang quang hõ biến, trùng trùng giao nhiếp, bất tương phương ngoại. Thị danh Tín Lý.*

*Như thủ tín dĩ, tắc Sa Bà tức tự tâm sở cảm chi ứ, nhi tự tâm ứ, lý ưng yếm ly. Cực Lạc tức tự tâm sở cảm chi tịnh, nhi tự tâm tịnh, lý ưng hân cầu. Yếm ứ, tu xả chí cứu cánh, phương vô khả xả. Hân tịnh, tu thủ chí cứu cánh, phương vô khả thủ. Cổ Diệu Tông vân: “Thủ xả nhược cực, dữ bất thủ xả diệc phi dị triệt”. Thiết bất tùng Sự thủ xả, đản thượng bất thủ bất xả, tức thị chấp Lý phé Sự. Ký phé ư Sự, Lý diệc bất viên. Nhược đạt toàn Sự tức Lý, tắc thủ diệc tức Lý, xả diệc tức Lý. Nhất thủ, nhất xả, vô phi pháp giới. Cổ thứ Tín nhi minh Nguyên dã.*

*Ngôn chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn giả. Danh dĩ triệu đức. Đức bất khả tư nghị cố, danh hiệu diệc bất khả tư nghị. Danh hiệu công đức bất khả tư nghị cố, sử tán xưng vi Phật chủng, chấp trì đặng Bất Thoái dã. Nhiên chư kinh thị Tịnh Độ hạnh, vạn biệt thiên sai. Như Quán Tượng, Quán Tướng, Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối, Lục Niệm đặng; nhất nhất hạnh thành, giai sanh Tịnh Độ. Duy Trì Danh nhất pháp, thâm cơ tối quảng, hạ thủ tối dị. Cổ Thích Ca từ tôn vô vấn tự thuyết, đặc hướng Đại Trí Xá Lợi Phật niệm xuất, khả vị phương tiện trung đệ nhất phương tiện, liễu nghĩa trung vô thượng liễu nghĩa, viên đôn trung tối cực viên đôn. Cổ vân: “Thanh châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đặc bất thanh. Phật hiệu đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đặc bất Phật dã”. Tín nguyện trì danh, dĩ vi Nhất Thừa chân nhân. Tứ chủng Tịnh Độ, dĩ vi Nhất Thừa diệu quả. Cử nhân, tắc quả tất tùy chi. Cổ dĩ “tín nguyện trì danh” vi kinh chánh tông. Kỳ tứ chủng Tịnh Độ chi tướng, tường tại Diệu Tông Sao, cập Phạm Võng Huyền Nghĩa, tư bất cụ thuật. Sĩ hậu, thích y chánh văn trung, đương lược thị nhĩ.*

(解)第三。明宗。宗是修行要徑。會體樞機。而萬行之綱領也。提綱則眾目張。挈領則襟袖至。故體後應須辨宗。此經以信願持名。為修行之宗要。非信不足啟願。非願不足導行。非持名妙行。不足滿所願。而證所信。經中先陳依正以生信。次勸發願以導行。次示持名以徑登不退。信則信自。信他。信因。信果。信事。信理。願則厭離娑婆。欣求極樂。行則執持名號。一心不

亂。信自者。信我現前一念之心。本非肉團。亦非緣影。豈無初後。橫絕邊涯。終日隨緣。終日不變。十方虛空微塵國土。元我一念心中所現物。我雖昏迷倒惑。苟一念回心。決定得生。自心本具極樂。更無疑慮。是名信自。信他者。信釋迦如來。決無誑語。彌陀世尊。決無虛願。六方諸佛廣長舌。決無二言。隨順諸佛。真實教誨。決志求生。更無疑惑。是名信他。信因者。深信散亂稱名。猶為成佛種子。況一心不亂。安得不生淨土。是名信因。信果者。深信淨土。諸善聚會。皆從念佛三昧得生。如種瓜得瓜。種豆得豆。亦如影必隨形。響必應聲。決無虛棄。是名信果。信事者。深信只今現前一念不可盡故。依心所現。十方世界。亦不可盡。實有極樂國。在十萬億土外。最極清淨莊嚴。不同莊生寓言。是名信事。信理者。深信十萬億土。實不出我今現前。介爾一念心外。以吾現前一念心性。實無外故。又深信。西方依正主伴。皆吾現前一念心中所現影。全事即理。全妄即真。全修即性。全他即自。我心遍故。佛心亦遍。一切眾生心性亦遍。譬如一室千燈。光光互遍。重重交攝。不相妨礙。是名信理。如此信已。則娑婆即自心所感之穢。而自心穢。理應厭離。極樂即自心所感之淨。而自心淨。理應欣求。厭穢。須捨至究竟。方無可捨。欣淨。須取至究竟。方無可取。故妙宗云。取捨若極。與不取捨。亦非異轍。設不從事取捨。但尚不取不捨。即是執理廢事。既廢於事。理亦不圓。若達全事即理。則取亦即理。捨亦即理。一取一捨。無非法界。故次信而明願也。言執持名號。一心不亂者。名以召德。德不可思議故。名號亦不可思議。名號功德不可思議故。使散稱為佛種。執持登不退也。然諸經示淨土行。萬別千差。如觀像。觀想。禮拜。供養。五悔。六念等。一一行成。皆生淨土。唯持名一去。收機最廣。下手最易。故釋迦慈尊。無問自說。特向大智舍利弗拈出。可謂方便中。第一方便。了義中。無上了義。圓頓中。最極圓頓。故云清珠投於濁水。濁水不得不清。佛號投於亂心。亂心不得不佛也。信願持名。以為一乘真因。四種淨土。以為一乘妙果。舉因則果必隨之。故以信願持名。為經正宗。其四種淨土之相。詳在妙宗鈔。及梵網玄義。茲不具述。俟後釋依正文中。當略示耳。

*(Giải: Thứ ba là nêu rõ Tông. Tông là con đường trọng yếu để tu hành, là mấu chốt để thấu hiểu Thế, là cương lĩnh của muôn hạnh. Giở cái lưới lên thì các mắt lưới đều căng ra, nắm cổ áo thì tay áo xuôi theo. Vì thế, sau phần Thế, cần phải biện định Tông. Kinh này lấy Tín Nguyện Trì Danh làm tông yếu tu hành. Nếu không có Tín, sẽ chẳng đủ để khơi gợi Nguyện. Không có Nguyện, sẽ chẳng đủ để hướng dẫn Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh, chẳng đủ để thỏa mãn Nguyện, hòng chứng thực Tín. Trong kinh, trước hết nêu bày y báo, chánh báo để sanh lòng tin. Kế đó là khuyên phát nguyện để hướng dẫn Hạnh, tiếp đến là dạy Trì Danh hòng mau đạt lên Bất Thoái. Tín là tín Tự, tín Tha, tín Nhân, tín Quả, tín Sự, tín Lý. Nguyện thì chán lìa Sa Bà, vui ưa Cực Lạc. Hạnh thì chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.*

*Tín Tự là tin cái tâm một niệm hiện tiền của ta vốn chẳng phải là quả tim thịt, cũng chẳng phải là duyên ảnh (bóng dáng của các duyên), theo chiều dọc thì chẳng có trước sau, theo chiều ngang thì trọn không ngăn mé. Suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến. Các cõi nước trong mười phương hư không số nhiều như vi trần vốn chỉ là vật được biến hiện trong một niệm tâm của ta. Ta tuy hôn mê, điên đảo, mê hoặc, nhưng nếu một niệm hồi tâm sẽ quyết định được sanh về cõi Cực Lạc sẵn có trong tự tâm, chẳng còn ngờ vực gì! Đây gọi là Tín Tự (tin vào chính mình).*

*Tín Tha là tin Thích Ca Như Lai quyết chẳng nói dối, Di Đà Thế Tôn quyết chẳng nguyện xuống, tướng lưới rộng dài của sáu phương chư Phật quyết chẳng nói hai lời. Tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, chẳng còn ngờ vực gì, đây gọi là Tín Tha (tin vào người khác).*

*Tín Nhân là tin tưởng sâu xa, tâm tán loạn xưng danh vẫn còn tạo nên hạt giống thành Phật [trong tương lai], hướng hồ nhất tâm bất loạn, lẽ nào chẳng được sanh về Tịnh Độ? Đây gọi là Tín Nhân (tin vào cái nhân).*

*Tín Quả là tin tưởng Tịnh Độ sâu xa là nơi các vị thiện nhân tụ hội, đều do Niệm Phật tam-muội mà được vãng sanh, như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, cũng như bóng nương theo hình, tiếng vang ứng theo âm thanh, quyết chẳng luống uổng. Đó gọi là Tín Quả (tin vào quả).*

*Tín Sự là tin tưởng sâu xa, chỉ một niệm hiện tiền trong hiện tại đã chẳng thể cùng tận, nên mười phương thế giới do tâm biến hiện cũng chẳng thể cùng tận. Quả thật có cõi Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, thanh tịnh, trang nghiêm tột bậc, chẳng giống như chuyện ngụ ngôn của Trang Sinh (Trang Tử). Đó gọi là Tín Sự (tin vào Sự).*

*Tín Lý là tin tưởng sâu xa mười vạn ức cõi thật sự chẳng ngoài một tâm niệm nhỏ nhoi của ta trong hiện tiền, bởi một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta quả thật chẳng có gì ra ngoài nó được. Lại tin sâu xa rằng y báo, chánh báo, chủ, bạn trong cõi Tây Phương đều là bóng dáng hiện trong một niệm tâm hiện tiền của ta. Toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể Vọng chính là Chân, toàn thể Tu chính là Tánh, toàn thể Tha chính là Tự. Do tâm ta trọn khắp, tâm Phật cũng trọn khắp, mà tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp. Ví như một ngàn ngọn đèn*

thấp trong một căn phòng, ánh sáng đan xen trộn khắp, trùng trùng giao thoa với nhau, chẳng hề ngăn ngại. Đây gọi là Tín Lý (tin vào Lý).

Đã tin như thế rồi thì Sa Ba chính là như uế do chính tâm mình cảm thành, đối với sự như uế trong tự tâm, theo đúng lý phải nên chán lìa. Cực Lạc chính là sự thanh tịnh do tự tâm cảm vời, đối với sự thanh tịnh trong tự tâm, theo đúng lý phải nên ưa cầu. Chán uế thì phải bỏ đến rốt ráo, mới không còn có gì để bỏ được nữa. Ưa tịnh thì phải giữ lấy đến mức rốt ráo thì mới không còn gì để giữ lấy nữa. Vì thế, sách Quán Kinh Diệu Tông Sao có câu: “Nếu lấy và bỏ đến mức cùng cực thì sẽ hoàn toàn không khác gì chẳng lấy, chẳng bỏ”. Nếu chẳng dựa trên mặt Sự để lấy, bỏ, chỉ chuộng “chẳng lấy, chẳng bỏ” thì chính là chấp Lý phé Sự. Đã phé Sự thì Lý cũng chẳng trọn vẹn. Nếu thấu hiểu toàn thể Sự chính là Lý thì lấy cũng chính là Lý, mà bỏ cũng chính là Lý. Một lấy, một bỏ không gì chẳng phải là pháp giới. Vì thế, sau Tín phải nói rõ về Nguyện.

Nói đến “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”, Danh để vời đức, do đức chẳng thể nghĩ bàn, nên danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, nên khiến cho tâm tán loạn xưng danh vẫn tạo thành hạt giống Phật, hễ chấp trì danh hiệu bèn đạt Bất Thoái. Nhưng các kinh dạy hạnh Tịnh Độ muôn ngàn sai khác, như Quán Tự Tại, Quán Thế Âm, Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối, Lục Niệm v.v... Mỗi một hạnh hễ thành tựu thì đều sanh về Tịnh Độ. Chỉ có pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rộng nhất, thực hiện dễ dàng nhất, nên Thích Ca Từ Tôn chẳng ai hỏi mà tự nói, đặc biệt hướng đến Đại Trí Xá Lợi Phất nêu bày. Pháp Trì Danh đáng gọi là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, là vô thượng liễu nghĩa trong các liễu nghĩa, là viên đốn tối cực trong các pháp viên đốn. Vì thế nói: “Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; Phật hiệu gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không trở thành tâm Phật”. Tín nguyện trì danh là cái nhân chân thực của Nhất Thừa, là chánh tông của kinh. Tướng trạng của bốn cõi Tịnh Độ đã được giảng tường tận trong bộ Diệu Tông Sao và Phạm Võng Huyền Nghĩa, ở đây, tôi không trình bày cặn kẽ, đợi đến đoạn sau, trong phần giải thích kinh văn sẽ trình bày đại lược).

Phần thứ ba là giảng về Tông. “Tông” (宗) là tông chỉ tu hành. Khế nhập Lý Thể của tâm tánh chính là mấu chốt trọng yếu nhất, mà cũng là cương lĩnh của muôn hạnh. Kinh này lấy “tín nguyện trì danh” làm mục tiêu tu hành. Muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hãy nên có mức độ hiểu biết Tây Phương kha khá. Tin cõi ấy có thật, tâm mong sanh về đó thì mới có thể sanh khởi. Nếu không có ý nguyện mạnh mẽ, làm sao chịu tu? Đã có ý nguyện thì cần phải có chân tâm niệm Phật mới đạt hiệu quả. Do hành đã lâu nên trong hiện thời đạt được hiệu nghiệm là phiền não giảm thiểu, trí huệ tăng trưởng. Trong tương lai, khi lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, liên hoa hóa sanh, trông thấy cảnh tượng cõi Tây Phương mới biết Phật chẳng nói dối.

Kinh văn của kinh A Di Đà không dài, nhưng luận theo mặt nghĩa lý thì nó chẳng khác gì Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Vì thế, nó được gọi là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, tức là bản rút gọn, cô đọng của kinh Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà được chia thành ba đoạn lớn, trước hết, giới thiệu tình trạng của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Y báo*” là hoàn cảnh vật chất của thế giới ấy. “*Chánh báo*” là tình hình con người nơi đó. Kinh mô tả Tây Phương tốt đẹp tốt bậc, không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, chúng ta phải nên tin tưởng như thế nào? Kinh dạy: Phật là bậc chân ngữ (tức không nói lời giả tạo), là bậc thật ngữ (tức không bịa chuyện), là bậc như ngữ (tức lời nói hoàn toàn phù hợp sự thật, nói đúng như điều Ngài đã chứng), là bậc bất cuống ngữ (chẳng nói dối), trọn chẳng lừa dối chúng sanh. Đức Phật dạy: “*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà*” (Có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà). Ngẫu Ích đại sư tự xưng là Tây Hữu cũng do dựa theo hai chữ Hữu [trong hai câu kinh này]. Trong đoạn trước, tôi đã nói Ngài cũng quả thật là bậc đến cõi này nhằm chứng minh. Vào thời Đông Tấn, ngài Lô Sơn Huệ Viễn là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Tông, cả đời Ngài ba lần thấy thế giới Cực Lạc, tướng trạng hoàn toàn giống hệt như kinh Phật đã dạy. Tuy ba lần trông thấy, nhưng chưa từng nói ra, đến khi vãng sanh mới bảo cho đệ tử biết.

Sanh về Tây Phương có bốn điều lợi ích:

1. Tho mạng dài: Trong thế giới này, thọ mạng quá ngắn, làm chuyện gì cũng không đủ thời gian. Nếu muốn thành Phật, ắt phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, quá dài! Nếu sanh về Tây Phương, thọ mạng vô hạn. Dầu thời gian để thành Phật dài lâu đến mấy cũng chẳng bị trở ngại.

2. Thấy Phật: Phật là vị thầy giỏi nhất, mà cũng là bậc đại thiện tri thức tốt nhất.

3. Nghe pháp: Sáu trần trong Tây Phương đều thuyết pháp. Do nghe pháp chẳng gián đoạn, nên chẳng bị thoái chuyển.

4. Các vị thương thiện nhân tu hội một chỗ: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Đại Thế Chí là đồng tham đạo hữu.

Có bốn điều tốt đẹp như thế, hãy nên hạ quyết tâm phát nguyện quyết định được sanh về cõi ấy.

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu). Chữ “*thiện*” trong từ ngữ “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” hết sức quan trọng, then chốt. Đây là mấu chốt khiến cho người niệm Phật có được vãng sanh hay không. Theo cách giảng giải trong Tịnh Tông, chân tín, chân nguyện, không có mảy may hư ngụy nào thì mới đáng gọi là Thiện. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, nương theo những điều này để hành, sẽ quyết định vãng sanh mà trọn chẳng cần phải dốc sức công phu trong một thời gian rất dài. Trong Tịnh Tông có lệ cử hành Phật thất nhằm hạn định thời gian hồng cầu chứng đắc. Đa thất lẽ ra phải ngày đêm không gián đoạn. Hiện thời, chúng ta đã thất có thời gian nghỉ ngơi. Chẳng hạn như buổi sáng

có công khóa chùng hai cây hương. Một cây hương là một tiếng rười. Giữa chùng, nghỉ ngơi khoảng nửa tiếng. Trong khi nghỉ ngơi, [xôn xao bàn luận] những khuyết điểm của nhà họ Trương, họ Lý, toàn bộ thị phi, nhân ngã hiện diện. Như vậy thì chỉ có thể gọi là pháp hội, chứ chẳng thể coi là “đả thất” được!

Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có chép chuyện pháp sư Oánh Kha đời Tống, đáng coi như một tấm gương. Vị pháp sư này lúc bình thường chẳng dụng công cho lắm, lại còn thường phá giới, tạo nghiệp; nhưng ông ta có thiện căn, tin tưởng nhân quả báo ứng, biết tương lai mình ắt đọa lạc, tự hồi hận, tự trách sâu xa. Có bạn đồng tham khuyên ông ta niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ sẽ thoát khỏi ác báo. Ông ta tin tưởng sâu đậm, chẳng nghỉ, tự giam mình trong phòng, chuyên tâm niệm Phật, chẳng ngủ, chẳng nghỉ ngơi suốt ba ngày ba đêm. Kết quả, A Di Đà Phật đến bảo ông ta: “Tuổi thọ của ông vẫn còn mười năm nữa, hãy gắng lên, khi lâm chung ta sẽ đến đón ông!” Ông ta thưa: “Con nghiệp chướng nặng nề, không chống đỡ nổi quyên rũ, mê hoặc. Nếu sống thêm mười năm nữa, sợ rằng con sẽ tạo ra rất nhiều tội nghiệp, con chẳng cần mười năm tuổi thọ ấy!” A Di Đà Phật dạy: “Được! Ba ngày nữa, ta đến tiếp độ ông”. Ông ta hết sức cảm tạ, mở cửa phòng bảo mọi người rằng ba ngày hôm nữa tôi sẽ vãng sanh. Mọi người đều không tin. Đến hôm thứ ba, trong khi đại chúng đang tụng kinh khóa sáng, ông ta thỉnh mọi người niệm Phật đưa tiễn. Niệm chưa đầy một khắc đồng hồ, ông ta đã vãng sanh.

*“Tín Tự giả, tín ngã hiện tiền nhất niệm chi tâm, bổn phi nhục đoàn, diệc phi duyên ảnh, thụ vô sơ hậu, hoành tuyệt biên nhai, chung nhật tùy duyên, chung nhật bất biến”* (Tín Tự là tín cái tâm trong một niệm hiện tiền của ta vốn chẳng phải là quả tim thịt, cũng chẳng phải là tâm phản chiếu bóng dáng của duyên, theo chiều dọc chẳng có trước sau, theo chiều ngang tuyệt không ngăn mé, suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến): Mấy câu này ý nghĩa rất sâu. *“Hiện tiền nhất niệm chi tâm”* chính là *“chân tâm”*, trọn chẳng phải là quả tim bằng thịt, cũng chẳng phải là vọng tâm có thể suy nghĩ, tưởng tượng, phản chiếu bóng dáng các duyên. Nói theo phương diện thời gian (chiều dọc), trong tâm không có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng phải là cái tâm in bóng các duyên. Nói theo chiều ngang (tức không gian) thì tâm không ngăn mé, không có giới hạn, chẳng phải là vọng tâm in bóng các duyên. Vọng tâm có ba đời, có giới hạn thị phi, ta - người. Chân tâm không có những thứ ấy, cũng giống như nói: *“Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương”* (theo chiều dọc thì cùng tột ba đời; theo chiều ngang, trọn khắp mười phương). Đây chính là chân tâm của chúng ta.

Hiện thời, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối thuận theo các duyên thuộc xã hội và đại chúng trong thế gian, nhưng chân tâm chẳng biến đổi mảy may. Trong kinh Lăng Nghiêm, phần mười lượt chỉ rõ cái thấy đã phân tích điều này rất tường tận. Đức Phật nêu lên một việc để chỉ tánh Thấy<sup>1</sup>, tánh Thấy chính là chân tâm

---

<sup>1</sup> Đây là một chuyện được Phật nêu ra trong mười phen gạn hỏi A Nan nhằm chỉ rõ tánh Thấy. Phật hỏi vua Ba Tư Nặc thấy sông Hằng vào năm 10, 20 tuổi cho đến 60 tuổi như thế nào, chỉ

vượt khỏi ba đời và mười phương. Tại địa vị phàm phu, tuy suốt ngày tùy duyên, chân tâm cũng chẳng biến đổi. Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nghe xong rất hoan hỷ, biết thân có sanh diệt, nhưng trong cái thân sanh diệt có một chân tánh bất sanh bất diệt, đó mới là chính mình. Bất sanh bất diệt là Chân Ngã, sanh diệt là Giả Ngã. Vô lượng vô biên tinh cầu và cõi nước trong mười phương hư không đều từ trong một niệm chân tâm của chính mình biến hiện ra. Các nhà khoa học, triết gia và các nhà tôn giáo trong thế gian đã nghiên cứu tìm lời giải đáp cho câu hỏi: “Các tinh cầu trong không gian do đâu mà có? Các sinh vật diễn biến như thế nào?” Hiện thời, họ vẫn chưa tìm được căn cứ nào. Khoa học tiến bộ, chứng minh có những sự thật rất phù hợp với những điều kinh Phật đã nói, nhưng các nhà khoa học vẫn chưa tìm ra biện pháp nhằm thấu hiểu cội nguồn của chúng. Bởi lẽ, các nghiên cứu khoa học từ đầu đến cuối chưa hề rời khỏi phân biệt, chấp trước. Những hiện tượng ấy do tâm ý thức biến hiện ra. Công năng của tâm ý thức rất lớn, nó có thể duyên<sup>2</sup> hư không pháp giới, nhưng không duyên được chân tâm. Nói cách khác, bọn họ chẳng có cách nào tìm được căn nguyên của hư không, pháp giới. Lý luận khoa học dùng động, còn Phật pháp dùng tịnh. Động và tịnh là một, động đến tột cùng là tịnh, tịnh đến cùng cực là động. Nếu hiểu động - tịnh là một thì sẽ đại triệt đại ngộ. Phật pháp dùng Định [thuộc về tịnh], khoa học dùng động, hai cách đều đúng, nhưng các nhà khoa học phải nhờ vào khoa học kỹ thuật thì mới có tiến triển. Phật pháp chẳng cần đến ngoại giới giúp đỡ, chỉ dựa vào công phu Định lực trong nội tâm liền có thể thấy được chân tướng sự thật. Cảnh giới ấy chính là “*nhập Phật tri kiến*”.

Tây Phương thế giới và A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều do tự tánh biến hiện. Rời khỏi tự tánh sẽ không có một pháp nào để được. Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà. Ta muốn vãng sanh cõi Tịnh Độ do chính mình biến hiện thì còn có chương ngại nào nữa hay chẳng? Lý luận như thế, nhưng sự thật thì tâm chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, chẳng thể đạt đến nhất niệm. Nếu nhất niệm hồi tâm, sẽ quyết định vãng sanh! Chúng ta biết A Di Đà Phật ở Tây Phương thế giới là do tự tánh của chúng ta biến hiện, tự tâm sẵn có Cực Lạc. Vì thế, niệm A Di Đà Phật, nghĩ đến y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là trở về với tự tánh, từ trong hết thảy vọng tưởng, tạp niệm trở về nhất niệm. Trong sáu chữ Phật hiệu “Nam-mô A Di Đà Phật”, thì hai chữ Nam-mô chính là “quy y”, cũng có nghĩa là “nhất niệm hồi tâm”, phải trở về tự tánh! Trong các tông phái khác, điều này hết sức khó [thực hiện]. Thiền Tông gọi [sự trở về tự tánh] là “minh tâm kiến tánh”, phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não, lại còn phải phá được mấy phẩm vô minh thì mới có thể trở về tự tánh. Tịnh Tông thuận tiện hơn, chỉ niệm một câu Phật hiệu, ai cũng có thể tu, có thể chứng.

---

rõ thân có già suy, mặt có nhăn, nhưng tánh Thấy không nhăn, cho thấy trong cái thân sanh diệt có chân tánh chẳng sanh diệt.

<sup>2</sup> Chữ “*duyên*” ở đây có nghĩa là có thể nhận biết, có thể suy tưởng đến. Nói cách khác, khi một thức tiếp xúc một trần, nhận biết trần cảnh đó thì gọi là “*căn duyên nơi cảnh*”.



Điều thứ hai là Tín Tha. “*Tha*” là Phật Thích Ca và Phật A Di Đà, mong các Ngài giúp đỡ, hướng dẫn chúng ta. Chính mình không đủ năng lực, cần phải được Phật, Bồ Tát gia bị. Tịnh Độ Tam Kinh câu nào cũng chân thật, nương theo kinh để tu học, chắc chắn sẽ thành tựu. Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, nguyện nào cũng đều nhằm thành tựu chúng sanh. Kinh A Di Đà nguyên bản (bản gốc bằng tiếng Phạn) nói tới mười phương Phật, người Hoa thích đơn giản; do vậy, La Thập đại sư rút gọn mười phương thành sáu phương. Sáu phương Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài, tán thán pháp môn này để làm chứng cho Phật Thích Ca, chứng thực sự chân thật, quyết chẳng nói hai lời. “*Tùy thuận chư Phật chân thật giáo huấn, quyết chí cầu sanh, cánh vô nghi hoặc, thị danh Tín Tha*” (tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật, quyết chí cầu vãng sanh, trọn không còn ngờ vực gì, đầy gọi là Tín Tha). Mấy câu này có phân lượng rất nặng. Tùy thuận Phật Thích Ca, tùy thuận bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, tùy thuận lời khuyên răn của hết thầy chư Phật trong tận hư không trọn pháp giới, chết lòng sát đất<sup>3</sup> niệm một câu A Di Đà Phật, đó chính là tùy thuận giáo huấn của chư Phật. Nếu hỏi: Trong những kinh điển do đức Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào chân thật nhất? Câu trả lời sẽ là kinh A Di Đà, kinh dạy thẳng thừng, trọn vẹn, thỏa đáng pháp môn thành Phật ngay trong một đời. Kinh Đại Thừa chân thật hơn kinh Tiểu Thừa, kinh Văn Nhất Thừa chân thật hơn kinh Đại Thừa, kinh A Di Đà là chân thật nhất trong những điều chân thật.

“*Tín nhân giả, thâm tín tán loạn xung danh, do vi thành Phật chủng tử, hướng nhất tâm bất loạn, an đắc bất sanh Tịnh Độ*” (Tin vào nhân là tin tưởng sâu xa, tâm tán loạn xung niệm danh hiệu còn trở thành hạt giống để thành Phật, hướng hồ nhất tâm bất loạn lẽ nào chẳng sanh về Tịnh Độ). Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: “*Nhất xung Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo*” (Kẻ mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo). Đây chẳng qua là gieo nhân mà thôi, bất luận hữu tâm hay vô tâm, niệm một câu A Di Đà Phật sẽ tạo thành chủng tử sanh về Tây Phương trong tương lai. Hiểu rõ sự thật này, liền biết độ chúng sanh như thế nào, bất luận hữu ý hay vô ý, làm cho người ta niệm A Di Đà Phật một tiếng, họ sẽ đắc độ, sớm muộn gì cũng sẽ vãng sanh.

Tiêu chuẩn “nhất tâm bất loạn” rất cao, có những người lo lắng “chỉ sợ trong một đời này chẳng thể vãng sanh”. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã hội tập các bản dịch kinh A Di Đà của hai vị đại sư La Thập và Huyền Trang, tạo thành một bản. Trong bản kinh A Di Đà do ngài Huyền Trang dịch, trọn chẳng có từ ngữ “*nhất tâm bất loạn*”, chỉ có “*nhất tâm hệ niệm*”. Chúng ta nghe nói “*nhất tâm hệ niệm*”

---

<sup>3</sup> Chết lòng sát đất (từ tâm tháp địa): Dứt tuyệt những mong ngóng quá phận, so đo, tính toán, cầu may (chẳng hạn, nghe kinh dạy “mười niệm cũng được vãng sanh” bèn tính toán: Niệm Phật mỗi ngày làm gì cho mệt? Chờ đến già, gàn chết, niệm Phật vẫn còn kịp), trọn lòng trọn ý nơi pháp môn này, giống như cõi lòng đã nguội lạnh nên gọi là “từ tâm” (chết lòng). Nhận biết căn cơ của chính mình thuộc phạm phu, độn căn, dốc lòng phát nguyện cầu sanh để được về Tịnh Độ là nơi có hoàn cảnh tu học tốt đẹp hòng dễ tán tu, không ngạo nghễ, kiêu căng, không tự phụ “chỉ có ông già bà cả dốt nát mới niệm Phật, còn ta là kẻ đại căn đại trí thì phải học Giáo, tu Thiền, tu Mật mới xứng”, nên gọi là “tháp địa” (nếp sát đất).

tợ hồ cảm thấy có thể thực hiện được. Kinh Vô Lượng Thọ bảo “*nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật*” (một mực chuyên niệm A Di Đà Phật), tợ hồ cũng có thể thực hiện được. Nhưng bản dịch của ngài La Thập hoàn toàn chẳng phải là dịch sai! Bởi lẽ, đối với bản dịch của ngài La Thập, ngài Huyền Trang rất khâm phục, không phê bình gì cả. Hơn nữa, đại đệ tử đồng thời là học trò đặc ý nhất của ngài Huyền Trang là pháp sư Khuy Cơ, tổ sư khai sơn của Duy Thức Tông, khi viết chú giải cho kinh A Di Đà, nếu theo thói quen của con người hiện thời, ngài Khuy Cơ nhất định phải dùng bản dịch của thầy mình là ngài Huyền Trang, nhưng ngài Khuy Cơ lại dùng bản dịch của ngài La Thập, chứng tỏ cả thầy lẫn trò đều tán đồng bản dịch của ngài La Thập.

Những hành giả nói niệm Phật đến mức “*công phu thành phiền*” chính là nói đến “*nhất hướng chuyên niệm*” như trong kinh Vô Lượng Thọ đã dạy. Niệm đến mức “*công phu thành phiền*” thì khi lâm chung, A Di Đà Phật đến đón. Trước hết, có Phật quang chiếu đến thân hành giả, nghiệp chướng lập tức tiêu diệt, công phu tự nhiên tăng gấp bội, đạt đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu chính mình niệm Phật đạt đến mức Sự nhất tâm thì vừa được Phật quang chiếu tới, sẽ đạt đến mức Lý nhất tâm. Đây chính là bốn nguyện, oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, “*nhất tâm bất loạn*” không cần phải lo lắng, chỉ cần thật thà niệm, sẽ nhất định thành tựu.

“*Tin Quả giả, thâm tín Tịnh Độ, chư thiện tụ hội, giai từng Niệm Phật tam-muội đắc sanh*” (Tin vào quả, tin tưởng sâu xa Tịnh Độ là nơi các vị thượng thiện nhân tụ hội, đều từ Niệm Phật tam-muội mà được vãng sanh): Quả báo là vãng sanh, nhất định phải lấy vãng sanh Tịnh Độ làm mục tiêu mong cầu duy nhất. Trong xã hội hiện thời, đối với hoàn cảnh sống, [hãy nên] hết thảy tùy duyên, đời này vốn do đền trả nghiệp mà sanh trong thế gian này, chỉ nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Tây Phương thế giới là nơi các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ. Chữ “*thượng thiện nhân*” không dùng để chỉ người tầm thường, mà để chỉ hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Ở Tây Phương, Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể tính xuể, đều do Niệm Phật tam-muội mà được sanh về đây. “*Tam-muội*” (Samādhi) dịch là Chánh Thọ, nghĩa là sự hưởng thụ chánh đáng, còn dịch là Thiên Định. Người Niệm Phật trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không có những tạp niệm khác, trong tâm vui sướng, không vướng mắc phiền não, lo âu, nên công phu có thể thành phiền. Nếu cứ thật thà niệm thì công phu tam-muội sẽ tự nhiên nâng cao không ngừng, ắt sẽ có thành tựu. Nhân quả như bóng theo hình, trọn chẳng lường uổng!

Tin vào Sự là cõi Tây Phương Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật quả thật có, chẳng giống như truyện ngụ ngôn của Trang Sinh<sup>4</sup>. Chúng ta có thiện

---

<sup>4</sup> Trang Sinh là Trang Tử, tên thật là Trang Châu (sống trong khoảng 369-286 trước Công Nguyên), tự là Tử Hưu, người nước Tống. Ông này là một nhà văn học và triết gia sống vào thời Chiến Quốc. Những trước tác của ông được ghi chép thành bộ Nam Hoa Kinh (do Đạo Giáo vào đời Đường đã tôn xưng ông là Nam Hoa Chân Nhân). Trong bộ sách này, có nhiều câu chuyện ngụ ngôn ngụ ý khuyên đời, hoặc châm biếm, chẳng hạn như chuyện Khổng Tử đi khuyên Đạo Chích hãy hối cải, thôi trộm cướp, bị Đạo Chích mạt sát nặng nề.

tâm, có ác tâm, có chân tâm, có vọng tâm, có thanh tịnh tâm, có ô nhiễm tâm. Thế giới Sa Bà này là do tâm tham, sân, si, mạn của chúng ta biến hiện ra. Tây Phương thế giới là do một niệm tâm thanh tịnh của chúng ta biến hiện. Tịnh Độ hay Uế Độ đều do tự tánh biến hiện, đều chẳng phải do bên ngoài đưa tới. Tịnh Độ là do tâm thanh tịnh của Phật biến hiện, mà cũng do hết thảy người niệm Phật trong mười phương thế giới biến hiện ra. Tâm Phật và tâm chúng sanh là một, chẳng phải hai.

*“Tin Lý giả, thâm tín thập vạn ức độ, thật bất xuất ngã kim hiện tiền giới nhĩ nhất niệm tâm ngoại”* (Tin vào Lý là tin tưởng sâu xa mười vạn ức cõi, quả thật chẳng ngoài một niệm tâm hiện tiền nhỏ nhoi của ta). Hãy nên đặc biệt chú ý tới từ ngữ *“nhất niệm tâm”*. Nhất niệm là chân tâm. Nhị niệm là vọng tâm. Chân tâm không phải trong hay ngoài. Kinh Lăng Nghiêm vừa mở đầu liền có bảy chỗ gạn tâm. Chân tâm tìm chẳng được, vọng tâm cũng tìm chẳng được. Vọng tâm có phân biệt, chấp trước; cho nên có giới hạn. Phân biệt, chấp trước là một khái niệm trừu tượng, trên thực tế, nó cũng chẳng có giới hạn thật sự.

Tây Phương có y báo, chánh báo, chủ, bạn. Chủ là A Di Đà Phật, Bạn là các đệ tử của Phật. Chủ bạn là thầy và trò, đều do một niệm chân tâm của chính mình biến hiện. Toàn thể Sự chính là Lý, toàn thể hiện tượng đều là Lý Thể. Toàn thể Vọng chính là Chân, Vọng là Tướng, Chân là Tánh. Chân là chủ thể biến hiện (năng biến), Vọng là đối tượng được biến hiện (sở biến). Như nằm mộng, cái có thể biến hiện những cảnh trong mộng là tâm, cái được biến hiện là cảnh trong mộng. Do vậy nói: Toàn thể mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng. *“Toàn thể Tu chính là Tánh, toàn thể Tha chính là Tự”*, đều chân tướng sự thật. Cách tu của Tịnh Tông là chấp trì danh hiệu, niệm một câu A Di Đà Phật vốn là *“xưng Tánh khởi Tu, toàn thể Tu chính là Tánh”*. Có mấy ai hiểu được, mà cũng chẳng hiểu rõ; trong sự tu học, đây là pháp môn cao nhất. Nhưng phải tu như thế nào thì toàn thể Tu mới chính là Tánh? Đừng hoài nghi, chớ xen tạp, đừng gián đoạn, có thể làm được như thế thì sẽ tương ứng với Phật, tương ứng với sự thật. Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. *“Toàn thể Tha tức Tự”* bao gồm y báo, chánh báo, chủ, bạn. Những điều vừa được nói trên đây được kinh Hoa Nghiêm gọi là *“Lý Sự vô ngại”*. *“Ngã tâm biến cố, Phật tâm diệt biến, nhất thiết chúng sanh tâm tánh diệt biến”* (do tâm ta trọn khắp, tâm Phật cũng trọn khắp, tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp). Giống như một ngàn ngọn đèn cùng thắp trong một căn phòng, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, chẳng trở ngại nhau, đây chính là *“Sự Sự vô ngại”*. Kinh Hoa Nghiêm nói tới bốn thứ vô ngại, kinh này cũng nói bốn thứ vô ngại, đủ thấy kinh này chính là Tiểu Bản Hoa Nghiêm.

Như trong hiện thời, địa cầu ô nhiễm nghiêm trọng, các nhà khoa học nói: Nếu chẳng sửa đổi thì năm mươi năm sau quả đất này sẽ chẳng thích hợp cho nhân loại sống. Nhà Phật nói *“y báo chuyển theo chánh báo”*, tư tưởng, kiến giải, tinh thần của chúng sanh ngày nay bị ô nhiễm còn nghiêm trọng, đáng sợ hơn sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh. Làm thế nào để tịnh hóa lòng người chính là nhiệm vụ

cấp bách. Dùng phương pháp “thật thà niệm Phật” để đối trị thì sẽ có hiệu quả. Một mặt, hồng dương Phật pháp khiến cho con người hiểu rõ những lý luận cơ bản như lục đạo luân hồi, nhân quả báo ứng cũng như “đời người là khổ” v.v... khiến cho họ bỏ ác, hướng lành. Mặt khác, khuyên người ta niệm Phật, khiến cho tâm địa của họ thanh tịnh, vọng tưởng giảm thiểu, trên kính, dưới hòa, tuân theo lẽ công, giữ đúng pháp tắc. Nếu trên dưới đồng tâm hiệp lực nghiêm túc thực hiện thì cũng chẳng bao giờ không thể vãn hồi vận mạng thế gian trong muôn một được!

*“Sa Bà tức tự tâm sở cảm chi uế, nhi tự tâm uế, lý ưng yếm ly. Cực Lạc tức tự tâm sở cảm chi tịnh, nhi tự tâm tịnh, lý ưng hân cầu”* (Sa Bà chính là sự nhơ uế do tự tâm cảm nên, nhưng đối với sự nhơ uế trong tự tâm, theo đúng lý phải nên chán lìa. Cực Lạc chính là sự thanh tịnh do tự tâm cảm thành, nhưng sự thanh tịnh nơi tự tâm, theo đúng lý phải nên vui cầu). Trong phần trên, tôi đã nói, hư không pháp giới đều là vật biến hiện bởi tự tánh của chúng ta. Thế giới hiện tại này, các cõi Phật trong mười phương và Tây Phương Tịnh Độ cũng chẳng phải là ngoại lệ, chúng đều do tự tánh biến hiện. Chân tâm của chúng ta rất đơn thuần thì cái được biến hiện sẽ là cõi Thường Tịch Quang. Sau khi tâm tánh đã mê thì do mê cạn hay sâu sai khác mà hiện ra chín pháp giới. Tây Phương có bốn cõi, ngoài cõi Thường Tịch Quang, trong mỗi cõi đều có ba bậc chín phẩm, toàn là đời nghiệp vãng sanh. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, các vị Đẳng Giác Bồ Tát nơi hội Hoa Tạng đều mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, cũng là đời nghiệp vãng sanh. Trong các thế giới Phật khác, ba bậc chín phẩm phân chia rất rõ rệt, giữa mỗi tầng cấp có cách biệt, chỉ riêng Tây Phương thì ba bậc chín phẩm trong bốn cõi không chướng ngại. Do vậy, cổ đức nói: *“Nhất sanh, nhất thiết sanh”* (Sanh về một cõi là sanh về hết thảy). Đại Bồ Tát sanh vào Thượng Thượng Phẩm trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đồng thời, Ngài cũng thấy đại chúng vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tây Phương thù thắng như thế, cùng với các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, cái tâm cầu nguyện vãng sanh tự nhiên dấy lên. Tín nguyện là máu chốt để vãng sanh, người đời nghe nói pháp môn Tịnh Độ, tâm cũng quy hướng, nhưng vẫn chưa thể lập chí phát nguyện cầu sanh, thật ra là do chưa tự giác ngộ. Người thật sự giác ngộ phải biết:

1. Đời người là khổ. Trong các kinh Đại, Tiểu Thừa, đức Phật đã khai thị tường tận. Chư thiên vui nhiều khổ ít, loài người thọ được mấy chục năm, khổ nhiều vui ít. Quán sát theo phương diện tạo nhân, tức là nhìn theo nghiệp tạo tác bởi thân - miệng - ý thì con người đại đa số là ác nhiều, thiện ít, quả báo trong đời sau nhất định khổ hơn.

2. Đời người là Không. Đời người như mộng, như huyễn, thời gian mấy chục năm thoáng qua. Bất luận giàu, nghèo, sang, hèn, đến lúc tắt hơi mới biết là rỗng tuếch thì chẳng phải là kẻ thông minh. Buổi tối đi ngủ, nhắm mắt lại, có khác gì đã chết? Thứ gì mới chính là của quý vị? Ngay cả thân thể cũng chẳng phải, hưởng hò vật ngoài thân! Nếu giác ngộ, sẽ mở mang trí huệ, đắc đại tự tại, ý niệm được - mất sẽ giảm nhẹ, chuyện tổn người lợi mình sẽ chẳng làm nữa.

3. Đòi người vô thường, biển xanh biến thành ruộng dâu, con người có sanh, lão, bệnh, tử, địa cầu luôn biến hóa, hoàn cảnh vật chất như thế đó. Người đòi tợ hồ chẳng hề nhận biết, sự cảm nhận gần như đã chai lì, thiếu lòng nhân.

4. Đòi người vô ngã. Tất cả hết thấy tội nghiệp đều do Ngã Chấp sanh ra. Nếu thật sự biết thân ta do Tứ Đại giả hợp thì tối thiểu là phiền não sẽ giảm bớt một nửa!

Kinh Phật nói đến Tứ Đại, dùng Địa, Thủy, Hỏa, Phong để tượng trưng. Tứ Đại là vật chất. Kinh Kim Cang nói thế giới là “*nhất hiệp tướng*”, [nghĩa là thế giới] do những vật chất cơ bản kết hợp thành. Có bốn thứ hiện tượng:

1. Vật chất tuy nhỏ nhưng có thể tích [thì gọi là Địa Đại].
2. Nó có nhiệt độ, mang điện tích Dương thì gọi là Hỏa Đại.
3. Nó có độ ướt, mang điện tích Âm thì gọi là Thủy Đại.
4. Loại thứ tư là động, không nằm yên, gọi là Phong Đại.

Từ ngữ Tứ Đại chỉ tánh chất của vật chất cơ bản, bất cứ vật gì cũng đều do vật chất cơ bản kết hợp thành, hễ tụ thì thành hình, hễ tán bèn tiêu diệt. Chẳng hạn như viên phấn này do bột phấn hợp thành, nghiền vụn nó ra thì chẳng còn nữa, chỉ là bột phấn tụ hay tán mà thôi! Khi tụ thì chẳng sanh, khi tán thì chẳng diệt, quả thật là bất sanh bất diệt. Bất cứ vật chất nào cũng đều giống như vậy. Con người thì ngoài thân thể còn có tinh thần. Tinh thần chính là Thọ, Tướng, Hành, Thức trong Ngũ Uẩn như Tâm Kinh đã nói, chúng thuộc về tác dụng tâm lý. Ý niệm trong tâm sanh diệt vô thường. Thân do Tứ Đại giả hợp, tâm là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Đây là chân tướng của thân và tâm, kinh Phật gọi nó là “*nhân vô ngã*”. Nói cách khác, thân người là do Tứ Đại và Ngũ Uẩn giả hợp, không có Ngã Thể (bản thể của cái Ngã) trường cửu, nên gọi là “*nhân vô ngã*”. Đức Phật lại nói “*pháp vô ngã*”. Chữ Pháp chỉ cho hết thấy các pháp, trong hết thấy các pháp vốn không có Ngã. Hãy nên hiểu chữ Ngã vừa nói đó mang ý nghĩa “chủ tử”, và cũng có nghĩa là “tồn tại”. Chúng sanh bất giác, đối với hết thấy pháp làm lạc nầy sanh cái nhìn phân biệt, huông hồ hết thấy các pháp vốn sẵn không tịch (rỗng rang, vắng lặng). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành u Nhân, thứ Bồ Tát thắng tiền Bồ Tát sở đắc công đức*” (Nếu lại có người biết hết thấy pháp là vô ngã, đắc thành Nhân, thì công đức của vị Bồ Tát này vượt trội công đức của vị Bồ Tát nói trong đoạn trước). Trong cuộc sống hiện tại, nếu luôn luôn thấu hiểu ý nghĩa và cảm nhận Khổ, Không, Vô Ngã, Vô Thường, sẽ có ích rất lớn cho việc chán nhàm, lìa bỏ thế giới Sa Bà này. Tây Phương Tịnh Độ không có những hiện tượng ấy:

1. Thứ nhất là không khổ, tức là không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui.

2. Thứ hai là chẳng Không, [cõi Cực Lạc] có thật và vĩnh hằng. Các cõi nước trong mười phương thế giới là Tướng Phần<sup>5</sup> của tám thức. Tướng Phần là vật

---

<sup>5</sup> Tướng Phần (còn gọi là Sở Thủ Phần): Theo quan điểm của Duy Thức Học, sự vật bên ngoài và hình ảnh của cảnh giới bên ngoài in bóng vào trong tâm thì gọi là Tướng Phần. Sách Tam

chất. Do vậy, nó là Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Tây Phương không giống vậy, nó là Tướng Phần của tâm tánh, là vô lậu, là chân thường.

*“Yếm ướ, tu xả chí cứu cánh, phương vô khả xả. Hân tịnh, tu thủ chí cứu cánh, phương vô khả thủ”* (Chán cái ướ thì cần phải bỏ đến rốt ráo mới không còn gì để có thể bỏ được. Ưa tịnh thì cần phải giữ lấy đến rốt ráo thì mới không có gì để giữ được). Nếu bỏ thì phải bỏ sạch sẽ. Nếu hiểu Xả có nghĩa là chuyện gì cũng chẳng làm, chỉ chuyên tâm niệm Phật thì đã hiểu sai hoàn toàn ý nghĩa của Xả. Chuyện gì cũng đều làm, lại còn làm tích cực, viên mãn hơn người khác. Tích công, lũy đức, nhưng trong tâm thì thứ gì cũng chẳng có, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Trừ Phật hiệu ra, tất cả chấp trước, vướng mắc, lo sầu đều chẳng có. Đây mới được tính là *“xả đến mức rốt ráo”*. Cái tâm cầu giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới phải mạnh mẽ tột bậc, chỉ có Tây Phương thế giới, chỉ có một đức Phật A Di Đà. Cổ đức bảo như vậy là *“có Tịnh Độ”*<sup>6</sup>. Sách Diệu Tông Sao chép: *“Nếu lấy bỏ đến mức cùng cực thì cũng chẳng khác gì không lấy, không bỏ”*. Diệu Tông Sao do Trí Lễ đại sư (Tứ Minh tôn giả) viết, Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ do Trí Giả đại sư viết, lời Sao do Tứ Minh tôn giả viết nhằm chú giải lời sớ của Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư lâm chung niệm Phật vãng sanh. Ngài tu Quán Tưởng Niệm Phật, tu theo Thập Lục Quán Kinh để vãng sanh. Bốn loại niệm Phật được chép cặn kẽ trong Quán Kinh, nhưng Trì Danh đơn giản dễ dàng nhất, ôn thỏa, thích đáng, nhanh chóng nhất.

Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, mỗi một việc các Ngài làm đều có thể làm gương cho người đời. Các vị đại thiện tri thức trong năm mươi ba lần tham học của kinh Hoa Nghiêm đều sống trong thế giới này, các ngành, các nghề, sống như thế nào, đãi người tiếp vật như thế nào, bọn họ đều là Phật hay Bồ Tát tái lai. Trưởng giả Chúc Hương<sup>7</sup> mỗi ngày mò ra chợ, trong tâm như như bất động, tu Định và Huệ bình đẳng. Đây là tham Thiền ở mức độ cao nhất, kẻ sơ học chẳng thể làm được! Chẳng bằng niệm Phật, giữ chặt một câu Phật hiệu sao cho không gián đoạn. Trong khi làm việc, nếu không cần phải dùng đến trí óc thì vừa làm vừa niệm Phật. Như ông Vương Đả Thiết ở Hành Châu, vừa rèn sắt vừa niệm Phật, chẳng trở ngại công việc. Cầu sanh Tịnh Độ chính là đại sự trọng yếu nhất trong cả một đời người, hy hữu, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Trong thời đại này, đạo thầy trò không còn nữa, phải hoàn toàn dựa vào chính mình nỗ lực tự tu. Dầu công việc bận rộn cũng phải dành một ít thời gian để chuyên tâm niệm Phật, những chuyện khác đều là lông gà, vỏ tỏi!

---

Tạng Pháp Sớ lại cho rằng Tướng Phần chính là các thứ hình tướng, là đối tượng nhận biết của Thức.

<sup>6</sup> Đây là từ ngữ *“có Tịnh Độ”* trong bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh Diên Thọ: *“Có Thiền, có Tịnh Độ, ví như cọng đội sừng, đời này làm thầy người. Đời sau làm Phật, Tổ. Không Thiền, có Tịnh Độ. Vạn tu, vạn người về, nếu được thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ”*.

<sup>7</sup> Trưởng giả Chúc Hương (Utpala-bhūti) là vị thiện tri thức thứ 21 trong 53 vị thiện tri thức được Thiện Tài đồng tử tham học. Ngài tên là Ưu Bát La Hoa (hoa sen xanh), có tiệm bán hương ở nước Quảng Đại, nên được gọi là trưởng giả Chúc Hương. Vị này dạy Thiện Tài pháp môn Điều Hòa Nhất Thiết Hương. Do tu môn giải thoát này mà ty căn thanh tịnh.

Thiền Tông chủ trương không chấp tướng, như “chẳng lấy mà cũng chẳng bỏ”, đây cũng là chấp tướng, tức là chấp vào tướng Không của “chẳng lấy, chẳng bỏ”. Hiện thời nói đến “chẳng chấp tướng” thì chúng ta không thể làm được, phải thật sự đối đãi với bất cứ ai đều nhất loạt bình đẳng thì mới là đúng. Nếu vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và phê bình, bàn tán thì chẳng thể nói là “không chấp tướng”. Liên Trì đại sư nói: “*Chấp vào Sự mà nếu niệm Phật niệm niệm liên tục, sẽ có thể đời nghiệp vãng sanh. Chấp vào Lý thiên trọng lý luận, vứt bỏ tu hành nơi mặt Sự, hoàn toàn chưa minh tâm kiến tánh thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo*”. Minh tâm kiến tánh nói dễ dàng sao! Nếu chấp Lý, phé Sự, Lý cũng chẳng viên, vì Lý và Sự là một, chẳng phải hai. Toàn thể Sự chính là Lý, lấy hay bỏ, không đâu chẳng phải là pháp giới. Đây quả thật là tùy thuận giáo huấn chân thật của chư Phật vậy.

Danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, trong sách vở Tịnh Tông thường nói tới tánh trọng yếu của danh hiệu, nhưng học nhân thường hay xem nhẹ, chẳng biết đến ý nghĩa chân thật! Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải kinh Vô Lượng Thọ, dẫn dụng rất nhiều lời thuyết pháp của cao tăng, đại đức đời Tùy - Đường. [Theo đó], trong hết thảy các kinh do đức Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào bậc nhất? Các tông phái đều công nhận Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Phạm Võng là những bộ kinh lớn của Nhất Thừa, nhưng đem so với kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất, bởi lẽ, kinh Hoa Nghiêm đến quyển cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện dẫn về Cực Lạc thì kinh Hoa Nghiêm mới viên mãn rốt ráo. Kinh Vô Lượng Thọ là tổng kết và quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà chính là tiêu bản của kinh Vô Lượng Thọ.

Nếu quán sát sâu xa hơn, lão cư sĩ Hạ Liên Cư chia kinh Vô Lượng Thọ thành bốn mươi tám phẩm, lấy bốn mươi tám nguyện trong phẩm thứ sáu làm trung tâm của kinh. Trong bốn mươi tám nguyện, cổ đức coi nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt sanh*”, viết rành rẽ, rõ ràng công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu. Một câu Phật hiệu này mở rộng ra là bốn mươi tám nguyện, rồi lại mở rộng ra thành kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ mở rộng ra sẽ thành kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm mở rộng chính là Đại Tạng Kinh. Do vậy, một câu A Di Đà Phật chính là tông cương lãnh của pháp tạng do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật giống như niệm hết thảy kinh điển do đức Phật đã nói, công đức của danh hiệu thật chẳng thể nghĩ bàn.

Đối với pháp Quán Tượng Niệm Phật thì trong kinh Ban Châu Tam Muội có giảng phương pháp tu hành phép Quán Tượng Niệm Phật. Ngoài ra, Thập Lục Quán Kinh cũng giảng phép Quán Tượng Niệm Phật, nhưng chỉ giảng trong phép quán thứ mười ba, còn những phép quán khác, có mười hai phép đều giảng về cách Quán Tượng Niệm Phật<sup>8</sup>. Trong phần trước, tôi đã nói Quán Kinh có hai bộ

---

<sup>8</sup> Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật gồm mười sáu phép Quán nên còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, nhưng thật sự chỉ có mười ba phép Quán (quán mặt trời lặn, quán nước đóng thành băng, quán đất báu, quán cây báu, quán ao báu, quán toàn bộ y báu, quán tòa hoa sen, quán hình

chú giải, một là bộ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai, do Tri Lễ đại sư chú giải. Lại còn có bộ chú giải mang tên Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của Thiện Đạo đại sư. Hai bản này đều rất phổ biến, tôi đã đều giảng rồi. Tôi hưởng lợi ích nhiều nhất từ bộ Tứ Thiếp Sớ, bộ này được tôn là sách chú giải Quán Vô Lượng Thọ Kinh bậc nhất từ xưa đến nay, có thể sánh với Di Đà Yếu Giải. Trong bộ ấy có nhiều nhận định mà cổ đức chưa từng nói đến. Có người nói Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, trong sách chú giải kinh Vô Lượng Thọ, Hoàng cư sĩ cũng từng nhắc tới điều này. Cũng có thể nói: “Tứ Thiếp Sớ là do chính A Di Đà Phật tự thuyết pháp cho chúng ta!”

Đối với Lễ Bái, Cúng Dường, Ngũ Hối đều có thể lấy kinh Hoa Nghiêm để làm thí dụ. Trong mười đại nguyện vương thuộc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm thì “lễ kính chư Phật” và “xưng tán Như Lai” thuộc về Lễ Bái, “quảng tu cúng dường” chính là Cúng Dường như ở đây đã nói. Ngũ Hối là năm phương pháp “Sám Hối, Khuyến Thỉnh, Tùy Hỷ, Hồi Hướng, Phát Nguyện”. Ngoài Sám Hối ra, bốn thứ còn lại, tức Khuyến Thỉnh, Tùy Hỷ, Hồi Hướng và Phát Nguyện đều có ý nghĩa sám hối. Nếu không thật sự sám hối thì bốn phương pháp này đều chẳng thể có. Do vậy, chúng đều thuộc vào pháp Sám Hối. Nếu đem Ngũ Hối áp dụng vào mười đại nguyện vương thì: “Sám hối nghiệp chương” thuộc về phép thứ nhất trong Ngũ Hối. Tùy Hỷ thuộc phép Ngũ Hối thứ ba. “Thỉnh chuyên pháp luân” và “thỉnh Phật trụ thế” thuộc phép Khuyến Thỉnh thứ hai trong Ngũ Hối. “Thường tùy Phật học” và “hằng thuận chúng sanh” thuộc phép thứ năm là Phát Nguyện trong Ngũ Hối. “Phổ giai hồi hướng” thuộc về phép thứ tư, tức là Hồi Hướng trong Ngũ Hối. Có thể thấy rằng: Pháp được Phổ Hiền Bồ Tát tự tu là mười đại nguyện vương; Ngài dạy người khác tu pháp môn Niệm Phật.

Ở đây, còn có Lục Niệm, trong rất nhiều kinh, đức Phật đã nói đến. Lục Niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Ba loại đầu là niệm Tam Bảo. Loại thứ tư là niệm Giới, thứ sáu là niệm Thiên, hai loại này có quan hệ mật thiết với nhau. Để sanh lên trời thì phải thỏa điều kiện sanh lên trời. Đức Phật nói đến trạng huống trong cõi trời, so với bất cứ tôn giáo nào cũng đều tương tự hơn. Chẳng phải là tin vào Thượng Đế sẽ sanh lên trời, ngàn vạn phần chớ hiểu lầm. Phật nói Ngũ Giới thanh tịnh, đời sau sẽ được thân người. Thành tựu Thập Thiện nghiệp đạo thì mới được sanh lên trời. Chỉ tu Thập Thiện thì chỉ có thể sanh trong các tầng trời thuộc Dục Giới trở xuống, tức là sanh trong Tứ Vương Thiên và Đạo Lợi Thiên. Muốn tu lên cao hơn thì phải tu Định, tu Tứ Vô Lượng Tâm “từ, bi, hỷ, xả”. Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới do đức Phật đã định và những điều răn dạy trong các kinh đều thuộc phạm vi của Giới.

---

tượng Phật, quán thân của A Di Đà Phật, quán thân tướng Quán Thế Âm Bồ Tát, quán thân tướng của Đại Thế Chí Bồ Tát, quán thân tướng chính mình vãng sanh, quán thân tướng tượng sáu của Phật (đây chính là phép Quán Tượng như Hòa Thượng Tịnh Không đã nói), ba phép Quán cuối giảng về ba bậc chín phẩm vãng sanh, là nói về chánh nhân, phẩm vị và cảnh tượng vãng sanh.



Thứ năm là Niệm Thí. Thí (施) là Bố Thí, Thí có công đức khiến cho chúng ta đoạn phiền não. Vô lượng phiền não được quy nạp thành một trăm lẻ tám loại, rồi lại quy nạp thành hai mươi sáu thứ, bao gồm sáu căn bản phiền não và hai mươi tùy phiền não. Lại quy nạp thành sáu căn bản phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, rồi lại quy nạp thành ba độ tham, sân, si. Ba độ lại quy nạp thành một thứ là Tham. Bồ thí chuyên trị keo tham, tham là cội gốc lớn lao của phiền não. Bồ thí nhằm tạo thuận tiện cho chính mình, dẹp trừ triệt để căn bản phiền não. Học bồ thí thì lúc mới học, thường là chính mình dư dả mới bằng lòng đem cho người khác. Chẳng hạn như có hai món đồ nào đó, món tốt giữ lại để mình dùng, cái dở hơn đem cho người ta. Tiến bộ hơn là đem cái tốt tặng cho người khác, cái dở giữ lại để mình dùng. Lại tiến một bước nữa là nếu người ta cần mà mình cũng cần thì giúp cho người ta trước, chính mình sẽ dần dần tính sau. Con người thường lo ngại nếu đem toàn bộ của cải của mình bồ thí hết thì chính mình không có gì, làm sao đây? Nhất là trong lúc này, cuộc sống khó khăn, kiếm được tiền chẳng dễ. Tuy vậy, nhà Phật nói: “*Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*” (Một miếng ăn, một miếng uống, không gì chẳng phải đã được định sẵn). Bồ thí thì của cải đưa đến càng nhiều, chúng ta thật sự chưa dám tin tưởng. Tôi khuyên người học Phật phải đọc cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lượt. Trong một đời người, giàu, nghèo, sang, hèn đều có số phận định sẵn. Đời trước đã tài bồ thí thì đời này phát tài. Giàu có là quả báo, bồ thí là nhân. Thông minh, trí huệ là quả báo, pháp bồ thí là nhân. Khỏe mạnh, sống lâu là quả báo, vô úy bồ thí là nhân. Dùng tâm chân thành, tâm cung kính, tâm thanh tịnh tu ba thứ bồ thí sẽ tự nhiên được quả báo tốt đẹp. Phật, Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, thành Phật rồi lại thả chiếc bè Từ vào trong thế gian, không có chuyện gì khác, chỉ để bồ thí! Cận đại, tại Trung Quốc, trong hàng xuất gia, Ấn Quang đại sư của Tịnh Độ Tông và Hư Vân đại sư của Thiên Tông suốt đời làm chuyện bồ thí, tài, pháp, vô úy bồ thí, chẳng giữ lại mảy may nào, làm rất viên mãn.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh đặc biệt nhắc tới ba loại người sẽ được sanh về Tịnh Độ:

1. Loại thứ nhất là từ tâm, chẳng giết, đầy đủ giới hạnh, tức là hai điều thứ nhất và thứ hai trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

2. Loại thứ hai là đọc tụng kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa, tức là điều thứ ba “*phát Bồ Đề tâm, đọc tụng Đại Thừa*” trong Tịnh Nghiệp Tam Phước.

3. Loại thứ ba là tu hành lục niệm, hồi hướng, phát nguyện, cầu sanh Tịnh Độ. Tâm thanh tịnh cảm ứng bốn nguyện của Phật. Hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này thì phải nên phát tâm sốt sắng niệm Phật, Chánh Trợ song tu. Chánh Tu là tín nguyện trì danh, Trợ Tu là mười đại nguyện vương, ngũ hồi, lục niệm. Sống trong xã hội hiện thời, dùng tâm tư thái độ này để xử thế, đãi người, tiếp vật, đây chính là Chánh Hạnh của Phật giáo đồ.

“*Duy Trì Danh nhất pháp, thâm cơ tối quảng, hạ thủ tối dị. Cổ Thích Ca từ tôn, vô vấn tự thuyết, đặc hướng Đại Trí Xá Lợi Phát niệm xuất, khả vị: Phương tiện trung đệ nhất phương tiện, liễu nghĩa trung vô thượng liễu nghĩa, viên đốn*

*trung tối cực viên đốn*” (Chỉ có pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rộng nhất, thực hiện dễ dàng nhất, nên Thích Ca Từ Tôn, chẳng ai hỏi mà tự nói, đặc biệt hướng đến Đại Trí Xá Lợi Phất nêu bày. Pháp Trì Danh đáng gọi là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, là vô thượng liễu nghĩa trong các liễu nghĩa, là viên đốn tối cực trong các pháp viên đốn). Ý nghĩa được nêu trong đoạn văn này của Ngẫu Ích đại sư chính là cương lĩnh, nguyên tắc của rất nhiều kinh luận Tịnh Tông. Nếu chú tâm quán sát thì những điều này bao gồm vô lượng pháp môn; trong vô lượng pháp môn, pháp môn Niệm Phật là thù thắng nhất. Đại sư nói ra những câu này rất khó có. Nếu Ngài chẳng phải thật sự là bậc trong quá khứ đã từng nghiên cứu thấu triệt hết thấy pháp môn, sẽ chẳng nói ra những câu này, cũng chẳng có gan thốt ra.

Do vậy, chúng tôi nghĩ rằng: Vì sao chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, đại đức đều khuyên chúng ta trì danh niệm Phật? Chữ Cơ (機) trong câu “*thâu cơ tối quảng*” (收機最廣) chính là Căn Cơ. Căn cơ có ba loại thượng căn, trung căn, hạ căn khác nhau. Chẳng hạn như Lục Tổ đại sư của Thiền Tông nói rất minh bạch, Ngài tiếp dẫn kẻ thượng thượng căn; ngài Thần Tú tiếp dẫn người có căn tánh Đại Thừa. Trong Giáo Hạ như Hoa Nghiêm Hiền Thủ Tông thì đối tượng của họ là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong hết thấy kinh luận, mỗi một pháp môn nhằm chuyên độ một loại đối tượng nào đó. Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ là đối với tất cả những người có căn tánh bất đồng đều có thể tiếp nhận, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, đều bình đẳng độ thoát. Thật là chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật liền có thể đắc độ. Thực hiện hết sức dễ dàng, có ai chẳng thể niệm? Vấn đề ở chỗ có chịu niệm hay là không, bằng lòng niệm hay là không? Thành tựu của pháp môn này lại viên mãn khôn sánh. Chẳng riêng gì người bình thường chẳng tin, ngay cả những bậc Bồ Tát, La Hán trong Tông Môn, Giáo Hạ cũng chẳng thể tin tưởng. Do vậy, chư Phật Như Lai gọi pháp này là “*pháp khó tin*”.

Lúc ấy, đức Phật quán sát thiện căn, phước đức của chúng sanh đã chín muồi, bèn không ai hỏi mà tự nói. Nói tới “*thiện căn*” thì chính là đức Phật nói ra pháp môn này, người nghe liền tin được, hiểu được. Nói tới “*phước đức*” thì chính là “có thể nguyện, có thể hành”. Pháp môn này không ai biết, đương nhiên chẳng có ai có thể hỏi được! Còn với đối tượng để tuyên nói, Phật bèn đặc biệt chọn ngài Xá Lợi Phất, vì Ngài là bậc trí huệ đệ nhất, không có trí huệ sẽ tuyệt đối chẳng thể tin tưởng pháp này. Cơ duyên thành Phật chín muồi, ắt phải có kinh điển để thành Phật. Kinh A Di Đà là căn bản để chúng sanh trong chín pháp giới viên mãn thành Phật ngay trong một đời. Nói như vậy thì chúng ta cũng có phần. Trong tất cả các phương pháp tu hành, pháp môn Niệm Phật thuận tiện bậc nhất. Đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể tu hành. Nếu có ai không thích ta niệm, ta bèn niệm thầm. Chẳng câu nệ hình thức, chỗ nào cũng đều có thể niệm được!

Trong Tứ Y Pháp, đức Phật nói “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*”. Phàm những pháp nào nói tới phước báo trong cõi trời, cõi người, chẳng thể liễu sanh tử, xuất tam giới thì gọi là “*bất liễu nghĩa*”. Kinh Tiểu Thừa lấy đoạn Kiến Tu

Hoặc để xuất tam giới, chứng quả La Hán, chẳng thể thành Phật, cũng gọi là bất liễu nghĩa. Kinh Đại Thừa tuy đoạn Tam Hoặc, liễu sanh tử, cao hơn La Hán, nhưng chưa đạt đến Phật quả rốt ráo thì vẫn là bất liễu nghĩa. Nhất Thừa liễu nghĩa là “thành Phật ngay trong một đời”. Trong một đời thành Phật thì chỉ có Thiên Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần trong hội Hoa Nghiêm, tới cuối cùng, thành tựu là nhờ mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật là loại rất hiếm, ít có, khó gặp. Trong kinh này, hết thấy chúng sanh trong một đời đều có thể viên thành Phật đạo, có thể nói là kinh này vượt trội Hoa Nghiêm lẫn Pháp Hoa. Phật dùng pháp môn này để độ chúng sanh trong chín pháp giới, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai cũng dùng pháp môn này để độ chúng sanh. Nói “*vô thượng liễu nghĩa, đệ nhất phương tiện*” là chuyên nói về bộ kinh này.

Viên (圓) là viên mãn, Đốn (頓) là nhanh chóng vượt thoát, chẳng theo thứ tự. Tiểu Thừa thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Theo như tông Thiên Thai nói thì phải trải qua Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đây là “*tiệm tu*” (tu dần dần theo thứ tự). Đại Thừa tu Bồ Tát đạo, từ Sơ Tín đến Đẳng Giác gồm năm mươi một địa vị. Kinh Hoa Nghiêm nói: Thành Phật phải mất vô lượng đại kiếp, chứ không phải chỉ ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Đức Phật nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp là vì sợ chúng sanh nghe [nói vô lượng kiếp] sẽ co đầu rút cổ, chẳng dám học Phật. Đại Thừa Bồ Tát tâm lượng to lớn, có tánh nhẫn nại, chẳng sợ thời gian lâu xa. Tổ sư khai sơn của Duy Thức Tông là Khuy Cơ đại sư soạn A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, trong ấy Ngài cũng nói rõ pháp môn này thuộc về Đốn Giáo; bởi lẽ, trong kinh nói từ một ngày đến bảy ngày liền thành công. “*Thành công*” có nghĩa là thành Phật.

Nước đục ví với tâm ô nhiễm, tâm tạp loạn, Phật hiệu ví như thanh thủy châu. Đối trị tạp niệm hữu hiệu nhất chính là niệm Phật. Nếu tham cứu thấu đáo Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và Di Đà Yếu Giải thì niệm Phật sẽ đúng lý, đúng pháp, câu nào cũng tương ứng, quả thật hữu hiệu. Nghe đạo lý Phật pháp rất nhiều, nhưng phiền não, tập khí vẫn rất nặng như cũ là vì chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay đã quá quen với rất nhiều phiền não tham, sân, si, mạn, đối với Phật pháp cảm thấy rất lợt lạt. Vì thế, cổ nhân nói: “*Sanh xứ chuyển thực, thực xứ chuyển sanh*” (Chuyển chỗ sống thành chỗ chín, chuyển chỗ chín thành chỗ sống). Ất phải đem cái tâm phiền não ô nhiễm chuyển biến một trăm tám mươi độ thành tâm niệm Phật thanh tịnh. Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng, hết thấy pháp do tâm biến hiện.

Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Đây chẳng phải là nhân quả thông thường. Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là thành Phật. Trong thế giới Cực Lạc, chúng đắc bốn loại Tịnh Độ cùng một lúc. Hễ chúng được một, sẽ chúng hết thấy; vì thế gọi là “*diệu quả*”. Nhân và quả chẳng tách rời nhau. Điểm đặc biệt là pháp môn này được gọi là Liên Tông. Hoa sen là nhân và quả đồng thời; vì thế, tín nguyện trì danh là chánh tông. Bốn cõi Tịnh Độ là [giáo thuyết] do tông Thiên

Thái sáng lập, nếu muốn hiểu rõ hơn, có thể tham khảo các sách Quán Kinh Diệu Tông Sao và Phạm Võng Kinh Huyền Nghĩa<sup>9</sup>.

### 3.4. Minh Lực Dụng (giảng về lực dụng)

*(Giải) Đệ tứ, minh lực dụng. Thử kinh dĩ “vãng sanh bất thoái” vi lực dụng. Vãng sanh hữu tứ độ, các luận cứu phẩm. Thử lược minh đắc sanh tứ độ chi tướng. Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn Kiến Tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, u Đồng Cư độ phân tam bối cứu phẩm. Nhược trì chí Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Tư nhậm vận tiên lạc, tắc sanh Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ. Nhược chí Lý nhất tâm bất loạn, khoát phá vô minh nhất phẩm, nãi chí tứ thập nhất phẩm, tắc sanh Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ, diệc phân chứng Thường Tịch Quang độ. Nhược vô minh đoạn tận, tắc thị thượng thượng Thật Báo, cứu cánh Tịch Quang dã. Bất Thoái hữu tứ nghĩa, nhất Niệm Bất Thoái, phá vô minh, hiển Phật tánh, kính sanh Thật Báo, phân chứng Tịch Quang. Nhị Hạnh Bất Thoái, Kiến Tư ký lạc, Trần Sa diệc phá, sanh Phương Tiện độ, tiến xu cực quả. Tam Vị Bất Thoái, đối nghiệp vãng sanh, tại Đồng Cư độ, liên hoa thác chất, vĩnh ly thoái duyên. Tứ Tất Cánh Bất Thoái, bất luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc giải, bất giải, dẫn Di Đà danh hiệu, hoặc lược phương Phật danh, thử kinh danh tự nhất kinh u nhĩ, giả sử thiên vạn kiếp hậu, tất cánh nhân tư độ thoát. Như văn đồ độc cổ, viễn cận giai tắng. Thực thiếu kim cương, quyết định bất tiêu dã. Phục thứ, chỉ đối nghiệp sanh Đồng Cư tịnh, chứng Vị Bất Thoái giả, giai dĩ Bồ Xứ câu, diệc giai nhất sanh tất bổ Phật vị. Phù thượng thiện nhất xứ, thị sanh Đồng Cư. Tức dĩ hoành sanh thượng tam độ, nhất sanh bổ Phật. Thị Vị Bất Thoái. Tức dĩ viên chứng Tam Bất Thoái. Như tư lực dụng, nãi thiên kinh vạn luận sở vị tăng hữu. Giáo dĩ đốn ngộ chánh nhân, căn vi xuất trần giai tiệm. Sanh sanh bất thoái, thủy khả kỳ u Phật giai giả, bất khả đồng nhật ngữ hỹ. Tông giáo chi sĩ, như hà vật tư.*

(解)第四。明力用。此經以往生不退為力用。往生有四土。各論九品。且略明得生四土之相。若執持名號。未斷見思。隨其或散或定。於同居土。分三輩九品。若持至事一心不亂。見思任運先落。則生方便有餘淨土。若至理一心不亂。豁破無明一品。乃至四十一品。則生實報莊嚴淨土。亦分證常寂光土。若無明斷盡。則是上上實報。究竟寂光也。不退有四義。一念不退。破無明。顯佛性。徑生實報。分證寂光。二行不退。見思既落。塵沙亦破。生方便土。進趨極果。三位不退。帶業往生。在同居土。蓮華託質。永離退緣。四畢竟不退。不論至心散心。有心無心。

<sup>9</sup> Phạm Võng Kinh Huyền Nghĩa là một tác phẩm nhằm giảng về Ngũ Trưng Huyền Nghĩa của Phạm Võng Kinh Bồ Tát Tâm Địa Phẩm do Ngẫu Ích đại sư soạn.

或解不解。但彌陀名號。或六方佛名。此經名字。一經於耳。假使千萬劫後。畢竟因斯度脫。如聞塗毒鼓。遠近皆喪。食少金剛。決定不消也。復次祇帶業生同居淨。證位不退者。皆與補處俱。亦皆一生。必補佛位。夫上善一處。是生同居。即已橫生上三土。一生補佛。是位不退。即已圓證三不退。如斯力用。乃千經萬論。所未曾有。較彼頓悟正因。僅為出塵階漸。生生不退。始可期於佛階者。不可同日語矣。宗教之士。如何勿思。

*(Giải: Thứ tư, nói về lực dụng. Kinh này lấy “vãng sanh bất thoái” làm lực dụng. Vãng sanh có bốn cõi, trong mỗi cõi đều luận định chín phẩm, nên bèn giảng đại lược về tướng trạng của bốn cõi. Nếu chấp trì danh hiệu mà chưa đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tùy theo tán tâm hay định tâm, sẽ sanh vào cõi Đồng Cư, chia ra thành ba bậc, chín phẩm. Nếu trì đến mức Sự nhất tâm bất loạn, giữa Kiến Hoặc và Tư Hoặc, tùy ý đoạn trước một thứ, sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ. Nếu trì đến mức Lý nhất tâm bất loạn, phá rỗng toang từ một phẩm vô minh cho đến bốn mươi một phẩm vô minh, sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ và cũng chứng một phần cõi Thường Tịch Quang. Nếu đoạn sạch vô minh, sẽ là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Bất Thoái có bốn nghĩa:*

1. Niệm Bất Thoái: Phá vô minh, hiển Phật tánh, mau chóng sanh về cõi Thật Báo, chứng một phần cõi Tịch Quang.

2. Hạnh Bất Thoái: Đã trừ được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, cũng phá được Trần Sa Hoặc, sanh về cõi Phương Tiện, tiến hướng cực quả.

3. Vị Bất Thoái: Đời nghiệp vãng sanh, ở trong cõi Đồng Cư, gởi thân nơi hoa sen, vĩnh viễn lìa khỏi duyên thoái thất.

4. Tất Cánh Bất Thoái: Chẳng cần biết là chí tâm hay tán tâm, hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu, chỉ cần danh hiệu Di Đà, hoặc danh hiệu của chư Phật trong sáu phương và tên gọi kinh này, vừa nghe thoảng qua tai, giả sử ngàn vạn kiếp sau, rốt ráo sẽ do điều này mà được độ thoát. Như nghe tiếng cái trống có bôi chất độc, xa hay gần đều bị chết. Ăn một chút kim cang, quyết định mãi mãi chẳng tiêu.

Hơn nữa, những kẻ chỉ cần đời nghiệp vãng sanh Đồng Cư Tịnh Độ, chứng Vị Bất Thoái, đều cùng ở chung với các vị Bồ Xứ, cũng sẽ đều trong một đời ắt dự vào địa vị Bồ Xứ làm Phật. Phạm ở chung với các bậc thượng thiện, tức là sanh vào cõi Đồng Cư thì là đã sanh ngang sang ba cõi trên, trong một đời được bồ xứ thành Phật. Đây là [hễ dự vào] Vị Bất Thoái thì là đã chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Lực dụng như vậy chính là điều chưa hề có trong ngàn kinh vạn luận. So với những chánh nhân đốn ngộ khác thì chúng đều chỉ là thoát khỏi cõi trần dần dần theo thứ tự, phải đời đời bất thoái thì mới có thể mong thành Phật

*được. Dẫu nói suốt ngày cũng chẳng thể nói trọn hết [lực dụng của kinh này]. Những bậc tu hành bên Tông, bên Giáo có sao chẳng suy nghĩ?)*

Phần thứ tư là giảng về Lực Dụng, [tức là] phần này nói rõ công đức tu hành, lợi ích do học tập, mà cũng có nghĩa là cái hay của niệm Phật nằm ở chỗ nào? Cổ đức nói: “*Kinh này lấy vãng sanh làm Công, lấy bất thoái làm Dụng*”. Trong kinh cũng dạy: “*Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí*” (Những chúng sanh sanh về đó đều là Bất Thoái Chuyên Bồ Tát). Thân nghiệp báo [trong cõi Sa Bà] này là thân tối hậu (thân cuối cùng). Thân của những vị tái lai đến thế gian này để độ người chính là Ứng Hóa Thân. Hiện thời, người chân chánh phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, lòng tin chân thật, phát nguyện chân chánh, tuân theo lời giáo huấn của Phật. Cái tâm ấy vừa phát ra thì Tây Phương đã ghi danh, chúng được thân tối hậu trong hiện tại, trong khoảng một niệm liền đến được cõi ấy.

Vãng sanh [Tịnh Độ] có bốn cõi:

a) Một là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Thế giới Sa Bà cũng là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Tuy [trong cõi Sa Bà] có thánh nhân, nhưng thiếu duyên sẽ chẳng gặp được. Trong truyện ký xa xưa có chép: Pháp Chiếu đại sư (tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông), là người đời Đường, gặp Văn Thù Bồ Tát ở núi Ngũ Đài, đạo tràng của Bồ Tát là Đại Thánh Trúc Lâm Tự, đẹp đẽ, cao rộng. Tổ nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, thưa hỏi Bồ Tát: “Trong thời kỳ Mạt Pháp, tu pháp môn nào sẽ dễ thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Tổ tu pháp môn Niệm Phật, lại còn niệm cho Tổ nghe mấy câu thánh hiệu A Di Đà Phật. Cách niệm ấy sau này được gọi là Ngũ Hội Niệm Phật. Phép Ngũ Hội Niệm Phật này đã thất truyền. Năm 1977, tôi giảng kinh tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán (thư viện Phật Giáo Trung Hoa) do lão pháp sư Đàm Hư sáng lập ở Hương Cảng. Trong thư viện ấy có tập sách nhỏ mang tựa đề Ngũ Hội Niệm Phật, có ghi chép nhạc phổ, âm điệu, tôi đem về Đài Loan. Cuốn sách ấy được biên soạn vào đầu thời Dân Quốc, rất cũ, sợ đã thất truyền, nên tôi in ra mấy ngàn bản ở Đài Loan. Trong số những vị xuất gia tại Đài Loan có người thông hiểu âm nhạc bèn đem sang Viên Quang Phật Học Viện ở Trung Lịch kiếm những vị đồng học, dựa theo nhạc phổ để luyện tập. Sau đây lại thâu vào băng ghi âm. Nghe cuốn băng ấy, cảm thấy rất dễ nghe, rất náo nhiệt, nhưng hoàn toàn chẳng thanh tịnh. Đủ thấy rằng, nó hoàn toàn chẳng phù hợp với âm điệu do ngài Pháp Chiếu truyền lại. Ngài Pháp Chiếu gặp Văn Thù Bồ Tát xong, sợ trong tương lai sẽ tìm [Bồ Tát] chẳng được, nên trên đường trở về đã đánh dấu dọc theo lối đi. Mải miết đi, quay đầu nhìn lại thì đã là một giải núi hoang, thứ gì cũng chẳng có!

Phi hành gia Mỹ sau khi đáp xuống mặt trăng, chỉ thấy một vùng hoang vu. Có người hỏi tôi, trong tương lai, khi tụng công khóa sáng tối, có còn niệm Nguyệt Quang Bồ Tát hay không? Tôi nói: “Vẫn phải niệm!” Vì Nguyệt Quang Bồ Tát ở trong nguyệt cung, phi hành gia đến đó, không thấy được Ngài, cũng giống như đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát được lập tại núi Ngũ Đài, nhưng chúng ta cũng chẳng tìm được!

Trong Tam Muội Thủy Sám, Ngô Đạt quốc sư tìm kiếm đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca tại Tây Thục, đạo tràng của tôn giả cũng là vàng ngọc chói ngời. Sáng hôm sau, [Sư dùng nước] rửa vết ghẻ hình mặt người xong thì trong nháy mắt, chẳng thấy đạo tràng đâu nữa. Do đây có thể biết rằng: Phàm phu gặp được thánh giả thì phải có duyên phận đặc biệt thù thắng. Đâu Suất Thiên là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, chia thành hai viện nội và ngoại. Ngoại viện là chỗ phàm phu cư trú, Di Lạc Bồ Tát trú trong nội viện. Đệ Tứ Thiên cũng là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, trong ấy có Ngũ Bất Hoàn Thiên, phàm phu cũng chẳng thấy được. Trong lục đạo có ba chỗ là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong thế giới Cực Lạc khác hẳn, toàn là người niệm Phật vãng sanh tu Tịnh nghiệp, đôi bên chẳng bị ngăn ngại. Đây chính là chỗ thù thắng của cõi Đồng Cư bên Tây Phương.

Kiến Hoặc và Tư Hoặc chẳng dễ diệt trừ, bước đầu tiên chỉ là “phục đoạn” (khuất phục, chế ngự). Đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc liền chứng quả A La Hán, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Hễ có ý niệm thì là phiền não, bất luận ý niệm nào, thiện hay ác đều chẳng màng, ý niệm thứ nhất vừa khởi lên thì ngay lập tức dùng một câu A Di Đà Phật để đè nó xuống. Cổ nhân ví von: “*Dùng đá đè cỏ*”, chỉ cần đè xuống được thì niệm Phật dễ thành phiền. Trong thực tế, lúc bình thường, vọng niệm rất nhiều, nhưng ta hoàn toàn chẳng nhận biết, tốt nhất là đừng quan tâm tới nó. Nếu chú ý tới vọng tưởng, đâm ra càng nhiều vọng tưởng hơn! Hãy mặc kệ nó, dốc sự chú ý vào Phật hiệu. Đại khái là trong thời gian tàn một cây hương, tức là trong một tiếng rưỡi, có dăm ba vọng tưởng thì coi như công phu đã khá lắm. Niệm năm năm mới được như thế. Nếu trong vòng một cây hương mà không có vọng tưởng thì cũng phải tốn công phu tám năm hay mười năm. Công khóa sáng tối mỗi ngày nhất định không được thiếu sót, còn tán niệm (ở đây có nghĩa là niệm Phật ngoài thời khóa nhất định) có thể niệm nhiều hơn hay ít hơn. Tại Mỹ, công việc bận bịu, áp lực nặng nề, khóa tối khóa sáng hạn định thời gian càng ít càng hay. Tốt nhất là dùng cách Thập Niệm. Cứ hết một hơi là một niệm, mặt hướng về phương Tây, mười hơi mất chừng năm phút là đủ rồi, chẳng trở ngại công việc. Người niệm Phật biết trước lúc mất, không bệnh tật mà qua đời, chỉ cần chế phục phiền não là có thể đạt được điều ấy. Nhưng chúng ta khó đạt được Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, nhất tâm nhất ý muốn thấy A Di Đà Phật. Ý chí hết sức mạnh mẽ, ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Ra đi nghiêm túc, đẹp đẽ, ra đi tự tại, đây chính là phước báo lớn nhất.

b) “*Trì chí Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Tư nhậm vận tiên lạc, tắc sanh Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ*” (Trì đến mức Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Hoặc và Tư Hoặc tùy ý đoạn trước một thứ nào, sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ). Điều kiện để sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư là phải đoạn được Kiến Tư Hoặc. Trong phần trước, tôi đã có nói: Kiến Hoặc là ác kiến do mê Lý, do phân biệt khởi lên, là tác dụng tâm lý thuộc phương diện tri thức, căn nguyên chủ yếu là

Ngã Kiến. Tư Hoặc là ác kiến do mê Sự, tự nhiên khởi lên<sup>10</sup>, thuộc về tác dụng tâm lý trên mặt sinh hoạt, căn nguyên chủ yếu là ba độc Tham, Sân, Si. Kiến Hoặc và Tư Hoặc là căn bản phiền não, còn gọi là Phiền Não Chướng.

Trong cõi Phương Tiện Hữu Dư của các thế giới trong mười phương chư Phật có chín loại người cùng sống. Theo cách giảng giải của tông Thiên Thai, Thanh Văn và Duyên Giác trong Tạng Giáo; Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thuộc Thông Giáo, cộng chung là năm loại người, những người thuộc Tam Hiền, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, thêm vào Thập Tín của Viên Giáo [thành chín loại người trong cõi Phương Tiện Hữu Dư]. Những vị ấy đều đã đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Người niệm Phật chẳng cần nghĩ tới những danh tướng và các cách giảng giải trong kinh giáo. Bốn cõi, ba bậc [vãng sanh] đều chẳng cần nghĩ tới, chỉ nên thật thà niệm một câu Phật hiệu. Công phu sâu sẽ tự nhiên đoạn được phiền não, đó gọi là “*nhâm vận*” (tùy ý). Đừng suy tưởng mình có thể đạt được nhất tâm hay không, càng nghĩ sẽ càng xen tạp.

Sự nhất tâm bất loạn: Sự (事) là hoàn toàn luận theo sự tướng, Nhất (一) là thuần nhất, Loạn (亂) là tạp loạn. Vọng niệm sanh khởi do vô ý, chính mình chẳng thể không chế được thì hoàn toàn chẳng quan trọng chi cả. Nếu hữu ý [sanh khởi vọng niệm] như tu pháp môn Niệm Phật mà lại tính tham Thiền, lại toan học Mật, nhất định sẽ nẩy sanh chướng ngại. Do vậy, niệm Phật phải có ý chí kiên định, bất cứ ai khuyên đổi sang học pháp môn nào khác đều chẳng nghe theo. Niệm Phật sao cho từng câu rõ ràng, từng chữ phân minh, tâm chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa tâm, tâm liền biến thành Phật. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, không chỉ đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, mà Trần Sa hay vô minh cũng tùy ý đoạn được.

“*Lý nhất tâm bất loạn, khoát phá vô minh nhất phẩm, nãi chí tứ thập nhất phẩm, tức sanh Thật Báo Trang Nghiêm*” (Lý nhất tâm bất loạn là phá rỗng toang từ một phẩm vô minh cho đến bốn mươi một phẩm vô minh, sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm): Cõi Thật Báo Trang Nghiêm còn gọi là cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại. Lý là tâm tánh, tức là như Thiền Tông gọi là “*minh tâm kiến tánh*”. Thiền Tông dùng phương pháp tham cứu, chúng ta dùng một câu Phật hiệu cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. So ra, Niệm Phật thuận tiện, đơn giản hơn. Niệm Phật có Sự Niệm và Lý Niệm. Người thượng căn lợi trí có cơ sở lý luận là Lý Niệm. Kẻ hạ ngu chuyện gì cũng chẳng hiểu thuộc về Sự Niệm. Nếu là Sự Niệm mà niệm đến mức phá một phẩm vô minh thì cũng là do Sự Niệm mà đạt đến Lý Niệm, cảnh giới ấy và minh tâm kiến tánh chẳng hai, chẳng khác. Lý nhất tâm

---

<sup>10</sup> Nguyên văn “*câu sanh nhi khởi*”. “*Câu sanh*” có nghĩa là sanh ra đã có, tự nhiên mà có, giống như con người được sanh ra thì loại phiền não này cũng sanh theo nên gọi là “*câu sanh*”. Xét đến sự hưng khởi của phiền não thì có hai loại:

1. Phân biệt khởi: Do nghe tà sư, tà thuyết, hoặc do suy nghĩ xằng bậy, chấp trước mà khởi phiền não thì gọi là Phân Biệt Khởi.
2. Câu sanh khởi: Đối trước trần cảnh tự khởi phiền não, thì gọi Câu Sanh Khởi.



bất loạn có bốn mươi một tầng bậc khác nhau, mức độ đoạn vô minh trong mỗi tầng cấp cao thấp khác nhau. Đoạn sạch bốn mươi một phẩm vô minh sẽ thành Phật trong Viên Giáo, rớt rảo viên mãn vô thượng Bồ Đề. Thường Tịch Quang là Lý Thể, vô tướng. Ba cõi kia là sự tướng.

Thường (常) là Pháp Thân, Tịch (寂) là Định, tức Giải Thoát, Quang (光) là trí huệ, tức Bát Nhã. Bốn tánh chân tâm của chúng ta trọn đủ ba thứ đức viên mãn này:

- Pháp Thân có thể hiện hết thủy cõi nước, hữu tình và vô tình trong mười phương thế giới đều do tâm tánh biến hiện ra. Đây gọi là Pháp Thân Đức.

- Tịch là giải thoát tự tại, tâm tánh vốn tự tại. Chúng ta tự hồ bị phiền não trói buộc, chứ thật ra phiền não ở chỗ nào? Tìm phiền não chẳng thể được! Phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng. Tâm tánh vốn tự tại, đây là Giải Thoát Đức.

- Quang là trí huệ, thể gian và xuất thể gian đều do tự tánh biến hiện, lẽ ra là “không gì chẳng biết”, nhưng lại biến thành sự hiểu biết hữu hạn, lỗi là do Sở Tri Chướng. Đức Phật giảng Bát Nhã trong một khoảng thời gian dài nhất, giảng đến hai mươi hai năm. Bát Nhã là nói vô tri. Chân trí huệ là vô tri, vô tri chính là vô sở bất tri (không gì chẳng biết). Chỉ sợ hữu tri, hữu tri chính là hữu sở bất tri (có cái không biết). Nếu có sở tri (có cái để biết) thì chỉ là biết một tí ti mà thôi! Trí huệ viên mãn vốn sẵn có trong bốn tánh của chính mình, chẳng phải do từ bên ngoài đưa tới.

Các tông, các phái trong Phật giáo đều tu Định, trong Định quyết chẳng thể có một vọng niệm nào! Hễ có, sẽ trở thành chướng ngại. Khi đạt đến mức “một niệm chẳng sanh” thì hết thủy đức năng trong tâm tánh sẽ hoàn toàn khôi phục. Câu kết luận cuối cùng trong Tâm Kinh là “vô trí, diệt vô đắc” (vô trí nên cũng vô đắc). Đắc là do phiền não mà có, Sở Tri Chướng là do hiểu biết mà có. Vô tri thì Sở Tri Chướng bị gạt bỏ, vô đắc thì Phiền Não Chướng bị dẹp trừ. Hằng ngày niệm Tâm Kinh, mà nếu chẳng thể đề cao cảnh tỉnh, hiểu thấu chân nghĩa của kinh ấy thì đã uổng công niệm mất rồi!

Bất Thoái có bốn nghĩa:

1. Niệm Bất Thoái: “Phá vô minh, hiển Phật tánh, kính sanh Thật Báo, phần chứng Tịch Quang” (Phá vô minh, hiển Phật tánh, mau chóng sanh sang cõi Thật Báo, chứng một phần Tịch Quang). Trong pháp Đại Thừa, bậc chứng Niệm Bất Thoái là Pháp Thân Bồ Tát, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ trở lên, trong Biệt Giáo là từ Sơ Địa Bồ Tát trở lên, đều là Niệm Bất Thoái. Xét theo công phu đoạn chứng<sup>11</sup>, các vị Bồ Tát này đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Trong bốn cõi Tây Phương Tịnh Độ, họ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thường Tịch Quang là Lý Thể, ba cõi trước đó là sự tướng. Lý không đâu chẳng tồn tại, nhưng trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện, không có cách nào nhận thức Lý Thể, mà cũng chẳng thể cảm nhận được. Sanh về cõi Thật Báo mới

<sup>11</sup> Đoạn chứng: Đoạn phiền não, chứng Pháp Thân.

có thể cảm nhận Lý Thể, đó gọi là “*Lý - Sự viên dung, Tánh - Tướng bất nhị*”. Trong kinh Đại Thừa gọi là “*thân và cõi chẳng hai*” (thân độ bất nhị). Nghe đã quen tai, nhưng không có cách nào thấu hiểu được. Đạt đến cõi Thật Báo sẽ đích thân chứng đắc. Chữ Niệm trong Niệm Bất Thoái nghĩa là chánh niệm, niệm niệm đều tiến hướng Vô Thượng Bồ Đề. Hiện thời, nếu chúng ta hữu niệm thì cũng là vọng niệm, mà nếu vô niệm thì lại là vô minh.

2. Hạnh Bất Thoái: “*Kiến Tư ký lạc, Trần Sa dĩ phá, sanh Phương Tiệm độ, tán xu cực quả*” (Kiến Hoặc và Tư Hoặc đã đoạn, Trần Sa đã phá, sanh vào cõi Phương Tiệm, tiến hướng quả tột cùng). Bồ Tát tu Lục Độ vạn hạnh, chẳng bị lui sụt xuống Nhị Thừa. Quyền Giáo Bồ Tát<sup>12</sup> vẫn có thể lui sụt xuống Nhị Thừa, do vì thấy chúng sanh khó độ, hạng Bồ Tát ấy không có tánh nhẫn nại, thường hay ngã lòng. Đại Thừa Bồ Tát trọn đủ Định - Huệ, chẳng bị lui sụt xuống Nhị Thừa. Đức Phật bảo chúng ta: Nhị Thừa chẳng thể thành Phật! Để thành Phật thì nhất định phải là “*Lý Sự viên dung, Sự Sự vô ngại*”. Nhị Thừa có chướng ngại, chẳng viên dung, tự mình tu rất khá, nhưng chẳng thể cùng đại chúng tiếp xúc, họ cảm thấy chẳng thể chịu đựng phiền rộn được. Do vậy, muốn thành Bồ Đề thì phải chứng vô chướng ngại pháp giới như trong kinh Hoa Nghiêm đã giảng, ắt phải tiếp xúc chúng sanh trong chín pháp giới. Tiếp xúc chúng sanh là tu hành, phải tu sao cho những điều mình không vừa ý trở thành vừa ý. Phải trừ cho sạch phiền não, phải diệt trừ cho hết. Bồ Tát tu Lục Độ, độ chúng sanh cũng là độ chính mình. Bất luận trong hoàn cảnh nào thì chính mình cũng đều có lợi. Quán sát trên sự thật, điều cần thiết trước nhất là phải tu khổ hạnh<sup>13</sup>, đối với hết thảy những gì chẳng vừa ý, hãy nên tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, tu Thiên Định Ba La Mật. Cuối cùng, lại phải tu trong thuận cảnh, nếu chuyện gì cũng vừa lòng toại ý sẽ dễ dàng giải đãi. Thuận cảnh còn làm cho con người bị lui sụt dữ dội hơn, do thỏa mãn với tình cảnh hiện thời, cái tâm dũng mãnh hướng thượng không còn nữa. Trong các vị đệ tử Phật tham dự hội Bát Nhã, tôn giả Tu Bồ Đề tượng trưng cho khổ hạnh, Sơ Tổ Thiên Tông là tôn giả Đại Ca Diếp cũng tượng trưng cho khổ hạnh, đều là được rèn luyện trong nghịch cảnh. Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử được rèn luyện trong thuận cảnh. Trong nghịch cảnh tu nhẫn nhục, phá trừ tâm nóng giận, trong thuận cảnh đoạn tham ái. Khi Thiện Tài đồng tử sanh ra, trong nhà bảy báu trời lên. Trong thuận cảnh, tu trì khó khăn hơn trong nghịch cảnh. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều phải dùng những cảnh đó để đoạn tham, sân, si.

---

<sup>12</sup> Quyền Giáo Bồ Tát là đối với Thật Giáo Bồ Tát mà nói. Quyền Giáo là những giáo pháp quyền biến, nhằm hướng dẫn người tu từ từ thâm nhập Đại Thừa. Ví dụ như trong Quyền Giáo, quan niệm có nhân trước, quả sau, còn Thật Giáo thấy rõ nhân chính là quả, quả chính là nhân, nhân quả chẳng hai. Nói cách khác, Quyền Giáo chưa ngộ Chân Như, còn chấp tướng tu trì, chưa hoàn toàn thấu hiểu Tam Luân Không Tịch.

<sup>13</sup> Khổ hạnh ở đây không có nghĩa là hành xác như chỉ ngủ ngồi không nằm, nhịn ăn v.v... mà là “làm được những việc người khác không thể làm, chịu đựng những việc người khác không thể chịu”, dứt bỏ những tập khí quen hưởng thụ sung sướng, biếng nhác của chính mình, giảm thiểu nhu cầu đến mức thấp nhất.

3. Vị Bất Thoái: “Đói nghiệp vãng sanh, tại Đồng Cư độ, liên hoa thác chất, vĩnh đoạn thoái duyên” (Đói nghiệp vãng sanh trong cõi Đồng Cư, gởi thân nơi hoa sen, vĩnh viễn đoạn trừ duyên gây lui sụt). Từ ngữ Vị Bất Thoái chỉ quả vị của thánh nhân. Bạc Sơ Quả trong Tiểu Thừa đã chứng Vị Bất Thoái, chẳng còn lui sụt xuống hàng phàm phu. Sau khi chứng được Sơ Quả, sẽ sanh trở lại trong nhân gian hay trên cõi trời bảy lần, liền chứng quả A La Hán. Kinh Phật nói để thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tính từ lúc nào? Phải tính từ lúc đắc Sơ Quả. Nếu không như vậy thì có thể là người tu hành lại lui sụt xuống lục đạo luân hồi. Trong các kinh Kim Cang, Lăng Nghiêm, Vô Lượng Thọ, đức Phật đều nói chúng ta có duyên phận với Phật chính là do thiện căn đã tu tập trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Vì sao vẫn chưa thành Phật? Vì từ trước đến nay chưa hề chứng được Sơ Quả. Kinh Hoa Nghiêm nói để thành Phật phải tốn vô lượng kiếp, cũng là vì chẳng tính từ Vị Bất Thoái. Chứng đắc Vị Bất Thoái hoàn toàn chưa lìa khỏi tam giới, nhưng chẳng còn là phàm phu, chỉ qua lại trong đường trời người, trọn chẳng đọa trong tam đồ. Làm thế nào mới có thể chứng được địa vị Vị Bất Thoái? Phật dạy đối với Kiến Tư Hoặc, phải đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới<sup>14</sup>.

Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là “mười niệm ắt sanh” là nói về mười niệm lúc lâm chung. Lâm chung mà có thể niệm Phật cũng chẳng đơn giản, ắt phải hội đủ ba điều kiện:

- 1) Thành trí tỉnh táo.
- 2) Có thiện tri thức nhắc nhở đúng lúc.
- 3) Nghe xong có thể thật sự làm theo.

Chẳng phải ai cũng có đủ ba điều kiện trên đây, nhất định lúc bình thường phải nỗ lực, đừng mang tâm cầu may. Hễ mê hoặc liền đọa vào tam ác đạo. Nếu

<sup>14</sup> [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù] Trong đoạn văn trên đây, Hòa Thượng nói phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong thế giới. Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc được gọi là tám mươi tám Sứ, liệt kê như sau:

Kiến Hoặc	Dục Giới	Khổ (tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến)	10 Sứ	32 Sứ	Tổng cộng 88 Sứ
		Tập (trừ thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ kiến)	7 Sứ		
		Diệt (giống như trên)	7 Sứ		
		Đạo (trừ thân kiến, biên kiến)	8 Sứ		
	Sắc Giới	Khổ (trừ sân)	9 Sứ	28 Sứ	
		Tập (trừ sân, thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ kiến)	6 Sứ		
		Diệt (giống như trên)	6 Sứ		
		Đạo (trừ sân, thân kiến, biên kiến)	7 Sứ		
	Vô Sắc Giới	Khổ (trừ sân)	9 Sứ	28 Sứ	
		Tập (trừ sân, thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ kiến)	6 Sứ		
		Diệt (giống như trên)	6 Sứ		
		Đạo (trừ sân, thân kiến, biên kiến)	7 Sứ		

thần trí tỉnh táo, sẽ chẳng đọa trong tam đồ. Vì thế, lúc bình thường phải giữ lòng làm lợi chúng sanh, tu phước làm đầu.

Chúng ta quá nửa có thể sanh về cõi ĐỒNG CƯ, chứng VỊ BẤT THOÁI. Thế giới Sa Bà này cũng là cõi Phạm Thánh ĐỒNG CƯ, nhưng chúng ta chưa chứng được VỊ BẤT THOÁI. Sau khi sanh về cõi ĐỒNG CƯ của Tây Phương, liền chứng VỊ BẤT THOÁI. Đủ thấy Tây Phương thù thắng hơn Sa Bà. Càng thù thắng hơn nữa là trong Tây Phương, sanh về một cõi liền sanh hết thấy cõi, chứng được một thứ, liền chứng hết thấy, đồng thời chứng trọn vẹn ba thứ BẤT THOÁI. Tây Phương thù thắng như thế là vì ba lý do lớn:

1) Sanh về Tây Phương sẽ hằng ngày gặp Phật.

2) Luôn luôn nghe pháp, chẳng riêng gì Phật, Bồ Tát thuyết pháp, mà sáu trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) đều thuyết pháp.

3) Thường cùng các vị đại Bồ Tát ở chung một chỗ.

Ở trong hoàn cảnh như vậy, sẽ không có nhân duyên gây thoái chuyển. Trong thế giới Sa Bà, rất khó được nghe chánh pháp, ác tri thức đông đảo, thiện tri thức ít ỏi. Vì thế, dễ bị thoái chuyển.

4. Tất Cánh Bất Thoái: *“Bất luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc giải, bất giải, đản Di Đà danh hiệu, hoặc lục phương Phật danh, thử kinh danh tự, nhất kinh u nhĩ, giả sử thiên vạn kiếp hậu, tất cánh nhân tu độ thoát”* (Bất luận chí tâm hay tán tâm, hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu, chỉ cần danh hiệu Di Đà, hoặc danh hiệu của chư Phật trong sáu phương và tên gọi kinh này, vừa nghe thoảng qua tai, giả sử ngàn vạn kiếp sau, rốt ráo sẽ do điều này mà được độ thoát). *“Chí tâm”* là nhất tâm, chân thành tâm. *“Tán tâm”* là có xen tạp. Bất luận hữu tâm hay vô tâm, hiểu hoặc chẳng hiểu, chỉ cần nghe được một tiếng Phật hiệu hoặc tựa đề kinh, liền gieo được hạt giống thành Phật, trong tương lai sớm muộn gì cũng có thể bước vào cửa Phật, tu hành, chứng quả. Kinh Pháp Hoa chép: Khi đức Phật tại thế, có một cụ già muốn theo Phật xuất gia. Những đệ tử Phật đã chứng A La Hán, có Túc Mạng Thông biết được quá khứ, vị lai, quán sát thấy cụ già ấy trong năm trăm đời chẳng có thiện căn nên không chịu thu nhận. Cụ già buồn khóc, chẳng chịu bỏ đi. Đức Phật trông thấy, liền kêu cụ già lại, cho cụ xuống tóc. Đức Phật bảo các đệ tử: Trong vô lượng kiếp trước, cụ già này làm tiều phu, lên núi đẵn củi, gặp một con mãnh hổ, bí quá, trèo lên cây, vô tình kêu lên một tiếng “nam-mô Phật”. Có nhân duyên như vậy, đời này cơ duyên chín muồi, phát tâm xuất gia. Cụ già ấy về sau chứng quả A La Hán.

*“Nhất sanh bỏ Phật, thị VỊ BẤT THOÁI, tức dĩ viên chứng tam Bất Thoái”* (trong một đời được bỏ xứ thành Phật, là VỊ BẤT THOÁI, tức là đã chứng trọn vẹn ba thứ BẤT THOÁI). Mấy câu này hết sức trọng yếu, ắt phải ghi nhớ thật kỹ. Không những chính mình sẽ có thể thật sự phát khởi nguyện vọng cầu sanh Tịnh Độ, mà còn có thể giải đáp cho không ít người nghi hoặc. Những điều này là sự thù thắng tối cực, các pháp môn khác không có sự nhanh chóng như thế này. Như các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa thường giảng, sau khi chứng được quả Tu Đà Hoàn phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp hoặc vô lượng kiếp mới có thể thành Phật, chẳng

thể nào thành tựu ngay trong một đời. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật, trong một đời sanh về thế giới Cực Lạc, liền ở cùng một chỗ với các vị Bồ Xứ Đẳng Giác Bồ Tát, cũng đồng thời chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Trong thế giới Sa Bà, chứng Vị Bất Thoái là Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, chứng Hạnh Bất Thoái là Đại Thừa Bồ Tát, chứng Niệm Bất Thoái là Pháp Thân đại sĩ, phân định rất rành mạch. Hễ sanh về Tây Phương thế giới liền hoàn toàn chứng được [cả ba thứ Bất Thoái này].

Cuối cùng, Ngẫu Ích đại sư khích lệ chúng ta. Trong hết thầy kinh luận được đức Phật giảng trong bốn mươi chín năm đều không có thuyết “*chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái*”, trong mười phương thế giới của chư Phật cũng không có tình trạng này. Ngài lại dùng Thiền Tông để so sánh. Thiền Tông là đốn ngộ, nhưng chẳng thể đoạn sạch tập khí phiền não ngay trong một đời, phải đời đời kiếp kiếp chẳng lui sụt [thì mới hòng đoạn sạch]. Trong Thiền Tông, sau khi triệt ngộ, đời đời chẳng lui sụt chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, những vị đại triệt đại ngộ bên Thiền Tông, đến đời sau bị thoái chuyển rất nhiều. Có một câu chuyện rất nổi tiếng là Tam Sanh Thạch (hòn đá ba đời) kể về thiền sư Viên Trạch. Sư có thể biết quá khứ và vị lai, vẫn chẳng thể tránh khỏi đời sau đầu thai. May mắn là Sư chẳng bị mê khi cách ăm, nhớ được chuyện đời trước, nhưng vẫn phải luân hồi để tiếp tục tu. Khi thay đổi thân thể này, Sư chẳng có cơ hội ở cùng một chỗ với các vị đại Bồ Tát, mà cũng chẳng thể viên chứng ba thứ Bất Thoái. Bởi lẽ, trong Thiền Tông, hễ có tu trì thì trong đời thứ hai sẽ có phước, có huệ, có thể sẽ là đại phú, đại quý, rồi lại đầu thai, càng đầu thai, càng mê, tình cảnh mỗi ngày một tệ hơn. Đây chính là nguyên nhân vì sao để thành Phật phải mất vô lượng kiếp<sup>15</sup>.

### 3.5. Minh giáo tướng (giảng về giáo tướng)

***(Giải) Đệ ngũ, giáo tướng. Thử Đại Thừa Bồ Tát Tạng nhiếp. Hựu thị vô văn tự thuyết, triệt để đại từ chi sở gia trì, năng linh Mạt Pháp đa chương hữu***

---

<sup>15</sup> [Chú thích của cư sĩ Lưu Thừa Phù]: Trong đoạn văn trên đây nhắc tới Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, sợ hàng sơ học cảm thấy bỡ ngỡ, nên ở đây tôi giảng đại lược.

1. Tu Đà Hoàn (Srotāpanna) là thánh nhân Sơ Quả trong Tiểu Thừa, dịch là Nhập Lưu, hoặc Dự Lưu, tức là tham dự vào dòng Thánh, ngộ pháp tánh bình đẳng. Còn gọi là Nghịch Lưu, ngụ ý: Ngược dòng sanh tử, vào biên thánh trí.

2. Đoạn tám mươi tám Sử trong tam giới, hết sạch Kiến Hoặc, đắc pháp nhãn tịnh, thấy lý Chân Không, lại trải qua bảy lần sanh tử liền nhập Niết Bàn.

3. Vào trong dòng pháp tánh của bậc thánh nhân, ngược dòng lục trần của phàm phu.

4. Chẳng nhập trong tướng của hết thầy cảnh giới lục trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Do tình thức đã rộng không, không còn Ngã, Ngã Sở, nên chẳng vào trong lục trần. Đã chẳng nhập lục trần nên tuy Tu Đà Hoàn xưng là Nhập Lưu cũng chẳng tự cảm thấy mình đã dự vào dòng thánh, chẳng qua giả gọi là Nhập Lưu mà thôi, nên nói là “vô sở nhập”. Đắc quả chính là vì vô niệm, hễ khởi niệm sẽ chẳng đắc quả. Do vậy, kinh Kim Cang chép: “*Tu Bồ Đề nói: - Bạch Thế Tôn, không a! Vì có sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng chẳng có gì để nhập, chẳng nhập Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, nên gọi là Tu Đà Hoàn*”.

*tình, y tư kính đấng Bất Thoái. Cố đương lai kinh pháp diệt tận, đặc lưu thử kinh trụ thế bách niên, quảng độ hàm thức. A Già Đà dược, vạn bệnh tổng trì, tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị. Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy, nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi tư nam, giai bất xuất u thử hỷ. Dục quảng thân thuật, cùng kiếp mạc tận. Trí giả tự đương tri chi.*

(解)第五。教相。此大乘菩薩藏攝。又是無問自說。徹底大慈之所加持。能令末法多障有情。依斯徑登不退。故當來經法滅盡。特留此經住世百年。廣度含識。阿伽陀藥。萬病總持。絕待圓融。不可思議。華嚴奧藏。法華秘髓。一切諸佛之心要。菩薩萬行之司南。皆不出於此矣。欲廣歎述。窮劫莫盡。智者自當知之。

(Giải: Thứ năm là giáo tướng. Kinh này thuộc về Đại Thừa Bồ Tát Tạng. Lại là kinh không ai hỏi mà Phật tự nói, được lòng đại từ triệt để gia trì, có thể khiến cho hữu tình lăm chướng trong đời Mạt Pháp nương vào kinh này sẽ mau chóng chứng Bất Thoái. Vì thế, trong tương lai khi kinh pháp diệt sạch, riêng lưu lại kinh này một trăm năm trong cõi đời để rộng độ hàm thức<sup>16</sup>. Thuốc A Già Đà trị chung muôn bệnh, dứt bất đối đãi<sup>17</sup> một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Tạng sâu màu của kinh Hoa Nghiêm, cốt tủy bí mật của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thầy chư Phật, là kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát, đều chẳng ra ngoài kinh này. Muốn khen ngợi, nêu bày rộng rãi thì dầu hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn, người trí hãy nên tự biết lấy).

Phần này nêu rõ đối tượng của sự dạy học. Trong thế gian có những người chưa thâm nhập, nghiên cứu kinh này, tướng niệm Phật là Tiểu Thừa, là chỉ lo tự giải thoát cho riêng mình. Thật ra, pháp môn này là pháp môn thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Luận theo phương diện giáo tướng (kinh thuộc thể loại giáo pháp nào), so trong các kinh Đại Thừa và Tiểu Thừa thì kinh này thuộc về Đại Thừa, trong Ngũ Thừa<sup>18</sup> thuộc về Bồ Tát Thừa, trong mười hai phần giáo,

<sup>16</sup> Hàm thức (Sattva) còn dịch là Tát Đỏa, Hữu Tình, Hàm Linh, Hàm Sanh, Bảm Thức, hoặc Chúng Sanh, tức là hết thầy những sinh vật có tâm thức. Từ ngữ này thường được dùng chỉ cho hết thầy chúng sanh trong lục đạo.

<sup>17</sup> Trong chữ “tuyệt đãi”, đãi là “đối đãi”, tức là thấy có hai bên, có tương đối. Hễ thấy Có thì phải thấy Không, thấy Khô thì sẽ thấy Lạc. “Đối đãi” còn được gọi bằng danh xưng “nhị biên”. Gọi là tuyệt đãi viên dung vì không còn thấy có nhị biên, nhưng cũng chẳng thấy là chính mình không thấy còn có đối đãi.

<sup>18</sup> Ngũ Thừa: Có nhiều cách hiểu như sau:

1. Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa (quan điểm này được đề xướng bởi Pháp Hoa Huyền Luận và được dùng phổ biến nhất trong phán giáo).
2. Ngũ Thừa là Thiên Thừa (pháp sanh trong Dục Giới), Phạm Thừa (tức những giáo pháp tu lên cõi Sắc và Vô Sắc), Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Phật Thừa. Đây là quan điểm của Lăng Già A Bạt Đa La Bảo Kinh.

thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết. Phương pháp tu trì thích hợp trọn khắp ba căn, mà cũng khế hợp căn cơ nhất đối với kẻ lăm phiền não, nghiệp chướng nặng nề.

Do một đại sự nhân duyên mà đức Phật xuất hiện trong cõi đời, điều này cũng thuộc về pháp sanh diệt. Pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm, hiện thời nhằm đúng thời kỳ Mạt Pháp, vẫn còn hơn tám ngàn năm nữa. Mai sau, Phật pháp sẽ suy vi dần dần, cuối cùng bị tiêu diệt hẳn. Có người hoài nghi, hiện thời kỹ thuật ấn loát tiên bộ, phần lớn kinh sách đã được tàng trữ trong các thư viện lớn, có thể bảo tồn lâu dài, làm sao bị tiêu diệt cho được? Hãy nên biết rằng: Kinh điển tuy chẳng bị tiêu mất, nhưng không ai tin tưởng, đọc tụng, thọ trì thì cũng giống như đã bị tiêu diệt. Trong kinh Pháp Diệt Tận, đức Phật có nói: Trong tương lai, đến cuối thời kỳ Mạt Pháp, bộ kinh đầu tiên bị tiêu diệt là kinh Lăng Nghiêm. Đến khi Phật pháp diệt tận, do sức oai thần của đức Phật ban ơn cho chúng sanh nên đặc biệt lưu lại kinh A Di Đà tồn tại trong cõi đời thêm một trăm năm nữa. Đến khi kinh giáo hoàn toàn tiêu mất rồi, vẫn còn có một câu “Nam-mô A Di Đà Phật”, hễ ai niệm câu này thì vẫn có hiệu quả.

Pháp môn này giống như thuốc A Già Đà<sup>19</sup>, trị chung muôn bệnh, bất luận căn tánh nào cũng đều thích hợp. Trong hết thầy kinh, các vị đại đức trong ngoài nước xưa nay đều công nhận Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đại diện cho Phật pháp, nhất là kinh Hoa Nghiêm, được các tông phái cùng xưng tụng là căn bản, những kinh khác là cành lá của kinh Hoa Nghiêm. Đại sư xưng tụng kinh này là “áo tạng” (kho uyên áo, kho sâu mâu) của kinh Hoa Nghiêm. Pháp môn Niệm Phật này có thể khiến cho hết thầy chúng sanh trong chín pháp giới mau chóng, bình đẳng thành Phật ngay trong một đời. Bồ Tát trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, giúp hết thầy chúng sanh mau chóng thành Phật cũng dùng pháp môn này, đều chẳng ra ngoài pháp trì danh niệm Phật của kinh này. Trong lời tựa cho bộ Vô Lượng Thọ Kinh Giải (chú giải kinh Vô Lượng Thọ) của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, tôi có viết một câu như sau: “*Kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà hoàn toàn tương đồng, chẳng qua là đại bản và tiểu bản mà thôi, đây là kinh bậc nhất để mười phương hết thầy chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo*”. Đây chính là điều chúng tôi cảm niệm sau nhiều năm tu học. Trong quá khứ đã có người hỏi tôi: Nếu trong Đại Tạng Kinh chỉ lấy một bộ thì thầy sẽ lấy bộ nào?

---

3. Ngũ Thừa là Nhất Thừa, Bồ Tát Thừa, Duyên Giác Thừa, Thanh Văn Thừa, Tiểu Thừa (Tiểu Thừa ở đây có nghĩa là nhân thiên thừa). Đây là quan điểm của riêng Hoa Nghiêm Tông.

4. Ngũ Thừa là Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, Vô Thượng Thừa, Chủng Chủng Thừa và Nhân Thiên Thừa. Đây là thuyết được giảng trong Xưng Tán Đại Thừa Công Đức Kinh.

5. Theo Chân Ngôn Tông, Ngũ Thừa là Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa (gần giống quan điểm thứ nhất, nhưng Chân Ngôn Tông phối hợp mỗi thừa với một Đại, chẳng hạn Nhân Thừa là Địa Đại).

6. Tông Thiên Thai phán định Ngũ Thừa là Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa và Phật Thừa (tức là gộp chung Thanh Văn và Duyên Giác thành một thừa). Như vậy, Bồ Tát Thừa được nói ở đây chỉ có thể hiểu theo cách thứ nhất hoặc cách thứ sáu.

<sup>19</sup> A Già Đà (Agada), còn dịch là Phô Khử, Vô Giá, Vô Bệnh, Bất Tử Dược, còn phiên âm là A Kiệt Đà hoặc A Yết Đà, những từ ngữ này đều có nghĩa là thuốc trị chung hết mọi căn bệnh.

Tôi nói: “Tôi lấy kinh A Di Đà, lợi ích của kinh này đối với chúng sanh nếu nói cạn kẽ thì hết cả kiếp vẫn chẳng thể nói trọn!”

**Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký,  
phần 2 hết**